

PHỤ NỮ TÂN VĂN

Số báo



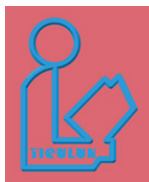
Mùa
Xuân
1932



xuất bản ngày 4 FÉVRIER 1932

Phụ nữ Tân văn

số mùa Xuân 1932



Paris * 01.2025

Phụ nữ Tân văn

số mùa xuân 1932

Bìa: *M. C. P*

Nguồn: *Quán ven đường*

**Phụ nữ
Tân văn**

SỐ MÙA XUÂN 1932

MỤC LỤC

1. Chúc xuân	9
2. Lời nói đầu	10
3. <i>Phan Khôi</i>	26
Một ít nghiên cứu về văn học ...	
4. Cũng nên biết	40
5. Tần tiếu lâm	42
6. Ít nhiều danh sơn	46
thắng cảnh của nước ta từ nam ra bắc	
7. <i>Đào Trinh Nhất</i>	49
Người có công với chữ quốc ngữ...	

8. Cũng nên biết	67
9. Mme Phương Lan	70
Tao khách với mùa xuân	
10. Nhân tài Việt Nam ở ngoại quốc	103
11. <i>Huyền Văn</i>	120
Một ít thần thoại	
12. Thi đàn	140
13. Hai bài văn tế tuyệt hay	159
14. V. A	172
Chuyện lạ trên rừng : Con vượn biết ơn	
15. <i>Hận Hậu Sanh</i>	184
Cái thù của tự do	
15. <i>Viên Hoàn</i>	206
Mỹ hơn với văn sĩ	
16. Câu chuyện thú của ông Khương Hữu Vi với cô dâu mới	221

CHÚC XUÂN

*Vận máy ba trăm sáu chục lần,
Địa cầu mở mặt nét hân hân.
Muôn loài sanh sắc trời non lại;
Ngàn dặm đưa hương gió dịu dần.
Tiếng pháo nổ tan hồn thủ cựu,
Màu hoa trang rỡ vẻ duy tân.
Nâng cao chén rượu cùng xuân chúc :
Mới nước non này, mới cả dân !*

PHỤ NỮ TÂN VẤN

LỜI NÓI ĐẦU
SỐ MÙA XUÂN THỨ NHÌ
PHỤ NỮ VIỆT NAM
BƯỚC QUA MÙA XUÂN NĂM 1932

Thì giờ như nước chảy, mới đó đã tới mùa xuân năm 1932.

Mùa xuân năm 1932 chẳng có gì khác với mùa xuân năm 1931 cùng hết thảy những mùa xuân trước nó; có khác chẳng chỉ là cái cảm tưởng của người đời đối với nó mà thôi.

Phụ nữ Tân văn, kể theo tuổi tây, đến năm 1932 này là ba tuổi. Ba tuổi, đáng lẽ đã trải qua ba mùa xuân... Trải qua ba

mùa xuân, đáng lẽ mỗi mùa có một số báo đặc biệt theo như đã định từ trước. Vậy mà số báo đặc biệt ấy của Phụ nữ Tân văn, đến số này mới là số thứ nhì, nghĩa là trải ba mùa xuân rồi mà chỉ có hai số : điều đó đã này ra cho độc giả cùng chúng tôi một cái cảm tưởng như thế nào, tiếc không có tài miêu tả cho khéo mà miêu tả ra đây !

Đã đành là sự may. Xuân đi rồi xuân lại về; Phụ nữ Tân văn tuy có vắng tiếng im hơi trong xuân trước, rồi đến xuân nay cũng lại trở về với xuân. Cái sự may ấy thì đã đành.

Từ ngày “tái sanh” đến nay, Phụ nữ Tân văn vẫn được hoan nghinh trong xã hội. Mở mắt nhìn ra, non sông vẫn gấm vóc, hoa cỏ vẫn tươi cười, tiếng oanh vàng tìm bạn vẫn cùng nhau xướng họa, dầu những ngày chẳng phải xuân mà cảnh thì

vẫn như xuân cả; duy có tấm lòng son mãi còn đeo nặng một vết thương. Tội mình tài hèn sức mọn, tự mình không làm chủ được cho vận mạng của mình ; cái tấm lòng trinh bạch chưa chịu chừa kia, chỉ là cái vừa đủ cho không hổ với lương tâm, chớ đâu dám đem mà khoe cùng thiên hạ ! Tương lai của nước nhà làm sao ? Tiền đồ của phụ nữ làm sao ? Bốn phận mình, đối với những cái ấy làm sao ? Nghĩ đến những nông nỗi ấy, người trong cuộc lại còn thêm chạnh lòng lai láng muôn phần !

Vậy thì nghe chim kêu chỉ giục lòng cố quốc; xem hoa nở chỉ sức nhớ tới mà lo cho cái xuân xanh của nam nữ thanh niên; trong khi cất chén rượu mừng xuân, ai thể nào mặc ai, người hữu tâm luống những sắp lưng mà ngâm câu “nỗi mình có biết !...” Quả vậy, xuân này khác

với xuân trước, cũng bởi những cái cảm tưởng ấy mà nó khác.

✱

Tờ báo sống cũng như con người ta sống. Sống để mà nói, mà làm, mà hoạt động ; không phải sống để mà sầu, mà cảm, mà than vãn thở dài. Tờ báo sống mà không hết cái bốn phận nói và làm thì vô ích, cũng như người ta sống một cách vô vị thì mất cái ý nghĩa sự sống của người ta.

Phụ nữ Tân văn chẳng những đã sống mà lại đã chết. Người ta nếu ai cũng chết đi một lần rồi sống lại, thì cái sống lần sau đó ắt phải có giá trị hơn, vì mình đã trải qua cái chết mà sanh ra sự tiếc và ăn năn về cái sống lần trước.

Nếu vậy, cái vắng tiếng im hơi của Phụ nữ Tân văn trong xuân trước, chẳng còn phải là cái vết thương nữa, mà chính là sự thử thách, sự dạy bảo, trải một bước gian nan, tăng một từng duyệt lịch, hầu để thêm cái hứng vị của sự sống trong xuân này đót chích. Nếu vậy thì hẳn đẹp bao nhiêu những mối xuân sâu xuân cảm lại một bên, mà cùng nhau sách lệ về những điều nên nói nên làm, nó đã đến cho ta tận trước mặt.

Nhớ lại cái sống kiếp trước, Phụ nữ Tân văn đã nói những gì, đã làm những gì, vẫn còn in trong trí mình, cũng còn in trong trí mọi người. Những điều ấy, trải qua một lần chết, chẳng đến nỗi làm cho tiếc và ăn năn; mà nhờ một lần chết ấy, biết được rằng ở dưới cái tình thế của chúng ta đây, cái nói chẳng bằng cái làm là có ích lợi thật. Vì vậy mà trong kiếp

này, Phụ nữ Tân văn chẳng những chú trọng ở một sự nói mà càng chú trọng ở sự làm hơn.

Nói vậy chẳng phải để tỏ mình ra khác với các bạn đồng nghiệp. Vả chẳng các báo khác đều là làm cơ quan phổ thông của quốc dân, có thể chia đường cùng nhau mà đi tới, kẻ nói cứ nói, người làm cứ làm. Còn Bốn báo làm cơ quan riêng của phụ nữ, hết thấy công việc của phụ nữ đều có thể nhận là công việc của mình mà nói tới đâu, làm tới đó. Sự ấy đã thấy ra trong cái thái độ của tờ Phụ nữ từ bấy lâu nay ; nhưng chúng tôi còn muốn sao cho được thiết hiện ra một cách tỏ rạng hơn nữa từ mùa xuân này.

✱

Sự nói là cái bốn phận của Phụ nữ Tân văn, chớ sự làm thì phải kể chung là của toàn thể phụ nữ Việt Nam, vì chẳng phải lấy sức một mình ai mà làm việc gì được, song phải cậy cả sức chung của phụ nữ. Bởi vậy, gặp mùa xuân mới, muốn giải bày cùng độc giả một vài tâm sự, chúng tôi phải trình trọng mà nêu lên rằng : Phụ nữ Việt Nam bước qua mùa xuân năm 1932.

Nói phụ nữ Việt Nam bước qua mùa xuân năm 1932, thế đã đủ tỏ ra rằng không còn phải là phụ nữ Việt Nam ở năm 1931 về trước ; nghĩa là phụ nữ Việt Nam đã tấn bộ, mà sang năm 1932 này lại còn tấn bộ hơn.

Sự tấn bộ ở đâu ? Lấy cái dấu vết nào mà chỉ ra sự tấn bộ ? Dem những cái hiện tượng từ trước ra mà trả lời cho câu hỏi đó, chúng tôi tưởng không thiết thiết cho

bằng phát biểu những sự dự định về sau. Những cái hiện tượng từ trước đã bày ra hoặc trong việc học hành, hoặc trong việc từ thiện, hoặc đăn trong việc chánh trị nữa, còn ai mà chẳng nghe chẳng thấy ? Chỉ có những sự dự định về sau này, mới ở trong kế hoạch mà chưa lọt vào tai mắt, tưởng nên thừa dịp tuyên bố lên đây, hầu cho giục giã nhau để chóng thành công. Sách có chữ : “Nhứt niên chi kế tại ư xuân”, vậy thì đương mùa xuân mà tính trước những việc sắp làm trong một năm, nào có phải là không đáng ?

Phụ nữ Việt Nam bước qua mùa xuân năm 1932, trọng cái làm hơn cái nói ; mà làm thì làm những gì ? Chúng tôi xin kể ra dưới này ba việc.

★

Một là Hội Dục Anh. – Việc này do phụ nữ Saigon đề xướng ra, tính trước hết thi hành ở Saigon, rồi về sau, nếu đủ sức sẽ thi hành khắp Lục tỉnh.

Cái chủ ý lập Hội Dục Anh ra là để nuôi giùm con nít cho những gia đình nào nghèo khó không đủ sức nuôi. Ở các nơi đô hội, thiếu gì những nhà mà vợ chồng cả ngày đi làm thuê, bỏ con nhỏ ở nhà, đói không ai cho bú cho ăn, khóc không ai dỗ; tình cảnh cô đơn mà chẳng biết cậy dựa vào đâu. Hội Dục Anh nhằm những chỗ tiện lợi mà lập ra những nhà nuôi trẻ con, ở đó sẽ có đã những đồ ăn, đồ chơi, người săn sóc ; nhà nào có con nít mà bị đi làm, không chăm chút được, sẽ đem đến đó mà gửi : hoặc gửi luôn, hoặc gửi buổi mai rồi chiều bỗng về. Ấy là một việc làm phước, rất có ích cho anh em chị em lao động.

Hội Dục Anh ở Saigon đã có rồi. Ấy là do bà Béziat cùng đồng chí bà, các bà đầm Langsa, đã xướng lập ra một sở tại Tân Định; bấy giờ Bốn báo có cổ động hộ và phụ nữ ta cũng có giúp công giúp của vào rồi.

Đến như Hội Dục Anh nói đây là do phụ nữ ta, các bà có hồng tâm hằng sản để xướng và chủ trương, không có dính dấp gì với của bà Béziat hết. Cái công cuộc này có chừng nào, hay chừng nấy ; nếu sau khi lập ra ở Saigon thành hiệu rồi, có dư công dư của mà dần dần khoách trương cho khắp Lục tỉnh đều có, thì thật là phước cho con trẻ biết bao, đỡ dần cho những nhà nghèo khó biết bao.

Như lời Bốn báo đã rao trong mấy số trước, các bậc nữ lưu tri thức ở Saigon đã xin phép lập ra cái hội, kêu là “Hội Dục Anh”, đăng có thi hành việc từ thiện trên

đó. Bắt đầu định lập một sở ở Cầu Kho, là nơi nhiều người lao động ở hơn hết : sở này như một chỗ thí nghiệm và làm mô phạm, rồi sau sẽ có nhiều sở khác kế tiếp mở ra khắp cả Saigon.

✱

Hai là Nữ công triển lãm hội. Mục đích hội này là để khuyến khích các công nghệ của phụ nữ. Sự toan lập ra nó là bởi cuộc chợ đêm hôm 7 Novembre mở ra giúp nạn dân Nghệ Tĩnh, trong đó có một ban Đấu xảo nữ công của Bốn báo tổ chức đã được kết quả rực rỡ lắm mà làm cho chúng tôi này ra một cái sáng kiến hay. Coi như ban Đấu xảo đó thì những vật do tay phụ nữ ta làm ra, như bánh, mứt, đồ thêu, đồ may, cùng nhiều món khác, thật là tinh xảo chẳng kém

ai. Phải chi hằng năm có một ban như vậy mở ra, để cho chị em xem coi nhau, tranh đua nhau, thì các thứ công nghệ của bọn mình ắt mong được mỗi ngày một thêm tinh xảo. Vì nghĩ như vậy, phụ nữ ở Saigon bèn quyết ý mở cuộc đấu xảo ấy trong mỗi năm, gọi là “Nữ công triển lãm hội”.

Việc này muốn làm chẳng phải là khó khăn chi lắm, chỉ phải dự bị trước trong vài ba tháng mà thôi. Huống chi hiện nay đã có “Cuộc đấu xảo phụ nữ mỹ nghệ” ở Huế bắt đầu từ 23 Decembre 1931 đến 3 Janvier 1932, cũng đã có thành tích tốt đẹp, thì cũng là một cái bước cho chị em ta noi theo đó vậy. Hội này mở ra trong hàng năm thì chẳng những chị em được khuyến khích nhau về đường công nghệ, mà những người ở nơi xa, cách nhau mấy trăm dặm, năm nào cũng sẽ hiệp

mặt được một lần, để mà lam quen nhau, trao đổi ý kiến cùng nhau, há chẳng phải là một công mà được luôn hai việc ư ?

*

Ba là Nữ lưu học hội. – Phụ nữ chúng ta đã chịu một sự thiệt thòi từ xưa đến nay, là sự không được học. Vài chục năm nay tiếng rằng đã mở mang nữ học, kỳ thiệt mới một số rất ít được chịu giáo dục mà thôi, còn những kẻ vì cảnh ngộ hoặc vì niên hạn mà thất học biết bao nhiêu. Ngày nay chúng ta muốn cho mình tấn tới kịp bên nam giới và lần lần hưởng trọn cái quyền lợi làm người, thì cần nhất là chúng ta phải có đủ trí thức ; mà muốn vậy thì còn gì cho bằng học? Nữ lưu học hội đã được nhiều người bàn tính lập nên là vì có ấy.

Kêu rằng “học hội”, nó có cái tánh chất học, nhưng chẳng phải học mà tập đọc, tập viết, tập tính như trong các trường đầu. Những chị em hai, ba, hoặc bốn, năm chục tuổi, có chồng, có con, công việc nhà làm không hết. có lẽ nào và có thể nào hằng ngày ôm sách đi hai buổi như các cô nữ học sanh? Những người ấy, học thì đành không học được nữa rồi, song tri thức còn kém thì cần phải kiếm thêm, vậy phải có chỗ cho họ tới đó mà tìm tri thức. Chỗ ấy, tức là Nữ lưu học hội sau này. Học hội ấy sẽ do một bọn phụ nữ lập ra và đứng chủ trương. Đại để dạy nhau bằng cách nói chuyện, ai cũng có thể nghe mà hiểu được hết, ấy tức là học đó. Chỉ cần có một căn phố rộng, bàn ghế cho nhiều, mỗi tuần lễ mấy lần, mời những tay thông thái đến giảng về vấn đề cần yếu cho chị em nghe; mà bất luận sang hèn, ai muốn học đều có

thể tới đó ghi tên vào mà nghe giảng. Ấy chẳng qua một cái phương pháp cứu cấp cho cái nạn đói khát về sự học, mà là cái phương pháp rất hay, đã kiến hiệu nhiều ở các nước.

✱

Ba việc trên đó, chúng tôi ước sao được bắt tay làm cả trong năm nay. Mà vạn nhứt có điều gì trở ngại, không thiệt hành hết cả được, là chúng tôi cũng quyết thiệt hành một hai việc, rồi còn thi lưu hạ cho cái chương trình năm tới.

Hơn một thế kỷ nay, khắp thế giới phụ nữ đều tỉnh ngộ ra mà, lo làm phương này thế nọ cho được mở mặt giữa loài người. Sự ấy đã thành ra một cái danh từ kêu là “Phụ nữ vận động” (Le fémi-

nisme). Khắp các nước Á châu ta, nước nào cũng đã có cuộc vận động ấy, duy nước ta chưa có, mà tất nhiên rồi cũng sẽ có. Những việc làm của phụ nữ chúng ta hôm nay chỉ là dự bị cho cuộc vận động ấy hôm sau, chưa biết ngày nào.

Chẳng những nói mà làm, vừa nói mà cũng vừa làm, cái thái độ của phụ nữ Việt Nam trong năm 1932 là như vậy. Tập Tản văn này làm cơ quan cho phụ nữ, sẽ lấy chung một cái thái độ ấy mà đứng giữa quốc dân.



MỘT ÍT NGHIÊN CỨU
VỀ VĂN HỌC
THẦN MÙA XUÂN,
CỦA BABYLON LÀ ĐÀN ÔNG,
CỦA HY LẠP LÀ ĐÀN BÀ

Xuân mùa trong một năm, có mùa xuân là tốt đẹp hơn hết, vui vẻ hơn hết, đáng yêu hơn hết. Xuân ví như một người lữ khách đi xa lâu lâu lại trở về nơi cố hương là trái đất một lần. Mỗi khi xuân về, hoa nở như gấm thêu, cỏ xanh mướt như khảm trái, chim kêu ríu rít như đồn như sáo, muôn vật hơn hớn như đua nhau mà sống, cả trời đất như

đầy đầy sự vui sướng và trông mong. Chẳng bởi cái nghị định nào hay cái chỉ dụ nào hết, tự nhiên thủ tiêu cái cảnh âu sầu thảm đạm mùa đông mà ban bố cái chánh lệnh mới, đổi cả mây mặt non sông, làm một việc đại cải cách mà không khoe công, không kể ơn, ôi, như thế, loài người mới đáng cúi mình trước mặt Tạo hóa !

Mà đừng trách. Loài người chẳng qua là một vật trong muôn vật, đã gói thân giữa trời đất thì trách sao được sự bủn xỉn nhỏ nhen ? Bởi vậy, đối với xuân, loài người chẳng những không dánt so bì, mà cũng như cái hoa, sợi cỏ, con chim, hễ gặp xuân thì đón rước tươi cười, ca tụng cái đức thí sanh, cảm tạ cái ơn phát dục.

Bởi cái tâm lý ấy mà trong văn học nước nào cũng vậy, hết một phần lớn là

tài liệu của mùa xuân. Nào những xuân phong, xuân sắc, xuân tâm, xuân tình, xuân mộng... là chữ để điểm chuyết câu thơ câu phú, kể ra còn biết bao nhiêu. Cho đến Đức Thánh Khổng chính tay cầm bút dọn sử thành kinh, cũng mở đầu chép “Xuân vương chánh nguyệt”. Lại cho đến cụ Tiên Điền ta hóa thân Phong tình lục ra ca lục bát, cho Kim Kiều gặp nhau trong mùa nào chẳng được, lại phải cho gặp nhau lúc “Thanh minh trong tiết tháng ba”? Vậy cho biết cái nhiệt tình của loài người đối với xuân lại còn đậm đà hơn muôn vật nữa, bởi đã đua nhau mà vịnh ca nó, xưng tụng nó, để nó choán một phần lớn trong văn học.

Các dân tộc bên Tây đối với xuân, tưởng lại còn sốt sắng hơn người phương Đông là nhiên. Trong văn học Âu châu, những tài liệu mùa xuân lại còn phong

phú và mỹ lệ đến đâu. Sự này ta phải nhìn cho cái quan hệ ở địa lý. Vì ở xứ lạnh chừng nào, người ta đã chịu khổ với mùa đông chừng nào, thì đối với mùa xuân lại có cảm tình nồng nàn hơn chừng ấy.

Học giả Âu châu đã từng nghiên cứu mà truy nguyên ra văn học đời nay là bởi những thần thoại đời xưa. Nói riêng về xuân, cũng có thần thoại của nó, mà rồi văn nhân đời sau thấy đều lấy tài liệu ra ở đó.

Cứ theo thần thoại Ba-by-lôn thì thần mùa xuân là đàn ông, là một chàng thiếu niên đẹp trai và phong nhã; khi chàng ở trên trái đất thì là mùa xuân vui vẻ, mà khi chàng đi khỏi, trái đất trở nên lạnh lẽo, buồn bã, thì là mùa đông. Vị thần thiếu niên của người Ba-by-lôn đó tên là Tammuz, thần coi việc sanh dưỡng, nên cũng gọi là Xuân thần.

Theo lời truyền thuyết đời xưa thì mẹ của Tammuz bởi hoang thai mà sanh ra chàng. Vì có ấy cha của bà ấy không vui lòng, tính hể đẻ ra thì bề nào cũng giết đứa con đi mới ưng bụng. Người mẹ lo sợ, mà chẳng dám tỏ cùng ai, chỉ có đêm ngày cầu đảo khẩn nguyện với Thần minh. Các thần thấy tội nghiệp, bèn cho bà hóa ra cây sanh. rồi từ trong thân cây nứt ra một đứa con trai xinh xắn và vạm vỡ, tức là chàng Tammuz đó vậy.

Khi Tammuz ra đời đoạn, mẹ chàng thương yêu báu xót, coi như ngọc như vàng; chỉ e cha mình mưu hại lần nữa, bèn đóng một cái rương. bỏ đứa bé vào mà gởi cho bà Hoàng hậu ở Âm phủ, nhờ nuôi giùm cho mình.

Tammuz ở dưới Âm phủ càng ngày càng khôn lớn nên người, thì quả là một chàng thanh niên mọi vẻ mọi được,

chẳng ai bằng. Hoàng hậu khi ấy trở yêu mến chàng, rồi đoạt làm của mình mà không chịu trả về Dương gian cho mẹ đẻ.

Người mẹ tức mình không chịu, đem đầu đuôi công việc mà kiện trước mặt Thượng đế. Thượng đế cũng muốn cho hai bên đều được việc và huề với nhau, bèn phán dạy Tammuz mỗi năm ở với mẹ đẻ trên đất bốn tháng, và ở dưới Âm phủ với Hoàng hậu bốn tháng, thế là êm chuyện.

Theo thuyết ấy thì còn bốn tháng nữa Tammuz ở vào đâu ? Nên lại có một thuyết khác nói rằng Tammuz ở Dương gian nửa năm, ở Âm phủ nửa năm, người mẹ đẻ với bà Hoàng hậu chia đôi mùa xuân với nhau. Bởi vậy, đời xưa, mỗi năm đến ngày Tammuz sắp lìa thế giới sáng sủa này mà xuống nơi âm gian mờ tối, thì người ta cử hành một cái lễ rất là

ai thăm để tỏ tình quyến luyến, không nữ biệt Xuân thân. Trong lúc cử hành cái lễ đó, cả con trai con gái đều khóc mà hát bài “Ai-ca Tammuz” (Lamentation de Tammuz). Trong bài Ai-ca ấy có một câu hát lặp như vậy : “Tammuz!... Chẳng còn sống ở nhân gian nữa !” Vả lại, cái tục ấy cũng còn sót dấu trong *Kinh Cựu ước*, sách Ê-xê-chi-ên đoạn 8, câu 14 nói rằng: “Ngài dẫn ta đến lối vào cửa nhà Đức Giê-hô-va, cửa ấy về phía bắc ; nầy, tại đó ta thấy những đàn bà ngồi mà khóc Tammuz!”

Song đến mùa xuân, là lúc Tammuz trở lại Dương gian, tức thì mặt đất tiêu tụy kia liền có sanh khí, bao nhiêu cái mặt sầu thảm đều đổi ra vui cười: người ta ai nấy lại cao hứng, mở ra những yến tiệc linh đình mà khánh chúc Xuân thân trở lại, ấy là “Tiết nghinh xuân”.

Còn cứ theo thần thoại Hy Lạp, thì Xuân thần là đàn bà, là nàng thiếu nữ nhân từ và mỹ lệ, tên gọi Proserpine.

Proserpine là con gái của nữ thần Cères, hằng ngày giúp mẹ mình rải ánh sáng mùa xuân ra cho dân gian, làm cho lúa thóc và mọi thứ trái cây được sai trĩu, để mà vẽ vời cho trái đất được đẹp đẽ, giúp cho loài người được ấm no. Mỗi khi nàng làm công việc xong rồi thì đi tìm các nữ thần là bạn của mình, như thần Núi non, thần Sông suối, mà thưởng hoa và hát xướng làm vui. Sau khi đó lại trở về với mẹ.

Một hôm, nàng làm xong công việc, đương chơi với các nữ thần, hái các thứ bông mà cắm trên mái tóc, và cười reo nơi khe suối. Bỗng có vua Âm phủ là Pluto,

nhơn đi tuần trên đất, đi ngang qua đó, thấy nàng lịch sự thì bắt mà chở trên xe mình. Khi bây giờ Proserpine sợ hoảng. vùng vẫy đã không thoát khỏi, mà kêu la cũng chẳng được chi, bèn bị Pluto đem luôn về dưới đất, ép làm hoàng hậu.

Mẹ nàng ở nhà trông càng ngày càng tối mà chẳng thấy con về, bèn cất thân ra đi kiếm. Vẫn có nhiều vị thần biết sự nàng thần kia bị bắt hiếp, nhưng ai nấy đều sợ oai thế Pluto, chẳng dám nói ra. Bà Cères lên hỏi đến thần Mặt trời, vị này có gì mà chẳng biết, thế mà cũng lắc đầu nói không. Bà đi kiếm con đã cùng khắp cả mà không thấy : trong lòng như nung như nấu, và công việc cũng bỏ bè, khi ấy trên đất đã đổi ra vẻ điêu hiu, khác nào như người mẹ lạnh mất con, buồn rầu khôn xiết !

Nữ thần Cères đi đã mỗi quá, phải ngồi trên một hòn đá luôn chín đêm ; ngày thì mặt trời dội vào gò má có những nước mắt chứa chan, đêm thì các ngôi sao ló mặt ra hầu làm bạn trong cơn vắng vẻ. Đoạn lại đứng dậy đi, đi đến một con sông, mới phăng lần được tông tích con gái mình ở đó. Nguyên lúc Pluto cướp Proserpine đi ngang qua sông này, có làm rớt một sợi dây lưng của nàng. Người mẹ nhìn được cái di vật ấy của con mình, lại nghe thêm được cái tin của một nữ thần khác bảo cho, bèn biết hết đầu đuôi, con gái mình đương làm hoàng hậu vua Âm phủ, tiếng là tôn quý cao trong mà kỳ thiệt là bị giam trong chốn âm ế thâm sâu.

Nữ thần Cères bèn tốc thẳng lên thiên cung mà kiện với Đại thần Zéus, và xin hết sức cứu con gái mình ra khỏi

tay Pluto. Zeus lập tức sai sứ giả xuống Địa phủ, khuyên Pluto thả hoàng hậu mình về Dương gian. Pluto nghe mạng lệnh của Zeus, không dám trái đã đành, nhưng đối với mỹ nhân, có lẽ nào cắt đứt mối tình cho được? Bèn lập ra mưu chước làm cho nàng phải mắc.

Lúc sửa soạn đưa đi, Pluto bày tiệc, toàn là các thứ hoa quả. Proserpine không chịu ăn. Nhưng Pluto ép riết, nàng phải ăn hết bốn hột lựu. Vira khi ấy thì nàng đã tỉnh biết là mình mắc mưu rồi ! Bởi vì mỗi hột lựu, tức là một tháng, mà nàng nhận lễ vật của Pluto bốn hột lựu, thế là phải ở với Pluto bốn tháng.

Từ đó mỗi năm Proserpine ở với mẹ mình tám tháng đặng giúp việc nông tang; còn bốn tháng kia, thì phải về ở với vua Âm phủ. Hễ khi lá ngô đồng thứ nhứt ở trên cây vừa rụng xuống, thì Plu-

to đem chiếc xe đen lên rước vợ mình về chốn Âm cung mà vầy duyên kháng lệ. Còn khi cái mầm thứ nhứt trong đất nứt lên, thì sứ giả trên trời liền xuống rước Xuân thần về nhân gian. Khi ấy muôn vật đều hớn hở mừng : cái hoa cười, con chim kêu, sâu bọ nhảy nhót để rước xuân về đến. Ví dầu hai mẹ con nữ thần không lấy làm vui lòng, mà vì số mạng đã định, có Đại thần Zeus làm chủ, thì cũng chẳng biết làm sao !

Ai có đọc văn Tây, bất kỳ của nước nào, cũng đã thấy hai cái điển trên này được dùng ra nhiều lần rồi. Hai điển, một nói Xuân thần là đàn ông, một nói Xuân thần là đàn bà, tuy cái tượng trưng (Symbole) khác nhau mà dụng ý thì có một. Bởi mùa xuân đối với sự sanh hoạt của loài người, có ảnh hưởng lớn lắm; mà trong một năm không phải là xuân

hết, vậy thì khi nó đi, khi nó ở, loài người đối với nó, nên có tình quyến luyến là dường nào !

Thần thoại của các dân tộc bên Tây kể cho Xuân thần là nam hoặc nữ, cũng có ái tình như người ta, hầu cho người ta được tỏ cái tình quyến luyến ấy với xuân một cách trực tiếp vậy ; không như Xuân thần của ta, nói là thần Câu mang, ở phương đông, mình chim, mặt người, cỡi hai con rồng (thấy trong Sơn hải kinh), thì đã ra dị loại, khó mà mật thiết với loài người !

Ông Lý Hậu chủ có câu rằng:

“Lưu thủy lạc hoa xuân khứ dã !
Thiên thượng? Nhân gian ?”

Ấy là lúc mùa xuân qua rồi mà tỏ ý bi cảm và kinh ngạc, đại khái nói như

vậy : “Xuân đi mất rồi, như nước trôi hoa rụng ! Mà đi đâu ? Đi về trên trời hay là đi về nhân gian?” Cái ý bi cảm kinh ngạc ấy tỏ ra trong lúc xuân đi, cũng như cái ý ca tụng hoan nghinh trong lúc xuân tới, vì vậy mà bởi cái xuân đã sanh ra một mớ thần thoại, một mớ tài liệu về văn học.

PHAN KHÔI

CŨNG NÊN BIẾT

Xe hơi ở Huê Kỳ

Ta nghe nói nước Huê Kỳ có đến 23 triệu cái xe hơi, sao sao ta cũng trầm trồ, nhưng ta có biết, mỗi năm, thứ ngựa máy ấy nó giết chết hết bao nhiêu mạng người không ?

Có người tính thử thì thấy : năm 1927, xe hơi cán chết hết 26.618 người (bằng số dân một thành phố), và nhiều hơn năm 1926 đến 1.316 người.

Cộng chung bốn năm kể đó : 1928, 1929, 1930 và 1931 lại thấy số người chết về xe hơi đến 99.318 người, gần bằng hai

số người Huê Kỳ tử trận trong cơn giặc 1914-1918.

Xe hơi làm chết người, lại cũng làm tốn hao tiền bạc chẳng ít. Trong các tai nạn trên đây, làm cho người ta phải tốn hao đến 16 ức (16 milliards – tỉ) đồng vàng Huê Kỳ !

Ông Pierre Loti có nói : “Thứ xe mà tiện dụng cho nhơn loại hơn hết, là chỉ có thứ xe bù-ệt (brouette) ”. Ông nói thế có đúng không ?

TÂN TIỂU LÂM

THẦY THUỐC BẮT MẠCH

Có một ông thầy thuốc có tiếng đã lâu, vì ông bắt mạch giỏi lắm, hễ cầm tay người bệnh là biết hết trong mình đau những gì và trở chứng về đâu.

Ông có một tên học trò, hễ khi nào ông đi thăm mạch cho ai, thì nó đi theco để mà học tập, và nó học tập chăm chỉ, chỗ nào không hiểu, nó hỏi liền.

Một hôm, ông đi thăm mạch cho một người bệnh, có tên học trò ấy đi theo như mọi khi. Lúc ông mới bước vào chỗ phòng người bệnh nằm, đảo nhãn coi tứ

tung, rồi mới ngồi xuống cạnh giường mà bắt mạch. Cầm tay người bệnh giây lát, ông thầy nói rằng :

– Không nghe lời thầy, sao cho bệnh lành đặng ? Thì tôi đã cấm ăn của chua, sao còn ăn? Bệnh hôm nay trở rồi, báo hại chưa?

Người bệnh chối ngược chối xuôi, nói mình chưa hề ăn gì hiết. Nhưng ông thầy gạn riết, và nói nếu không khai hết ra cho ông chữa, để chết thì chịu lấy. Người bệnh bèn thú thiệt rằng mình mới có ăn một trái quít.

Lúc đi về dọc đường, tên họ trò ngẫm nghĩ lấy làm tài quá, làm sao coi mạch lại biết được mới có ăn của chua ? Nó bèn khẩn khất xin ông thầy giảng dạy chỗ mầu nhiệm đó cho nó.

– Mày khờ quá, ông thầy nói, khi tao vô phòng một cái là tao đã ngó tú tung rồi, tao ngó trật xuống dưới giường thấy có cái vỏ quit còn tươi roi rói, thì tao đoán ngay là nó ăn quit.

Tên học trò nhớ điều đó nhập tâm.

Về sau, tên học trò ấy nổi làm thầy thuốc. Ngày kia, đi thăm một người bệnh, khi cầm tay bắt mạch rồi, anh ta cũng lắc đầu mà nói cùng người bệnh rằng:

– Không nghe lời thầy, sao cho bệnh lành đặng? Thì tôi đã cấm ăn thịt gà, sao còn ăn? Bệnh hôm nay trở rồi, báo hại chưa?

Người bệnh là một tay thân hào trong miển đó, nói cùng thầy thuốc rằng:

– Không, ai khờ khạo gì lại không giữ lời thầy. Thiệt tình tôi không có ăn

thịt gà đâu, thầy đừng tưởng...

Nhưng anh thầy nói quyết châm bả, lại mắng xối người bệnh, sao đã ăn vô miệng rồi còn chối? Người bệnh tức giận, rầy lộn với thầy, rồi sức đẩy tở đuổi cổ đi.

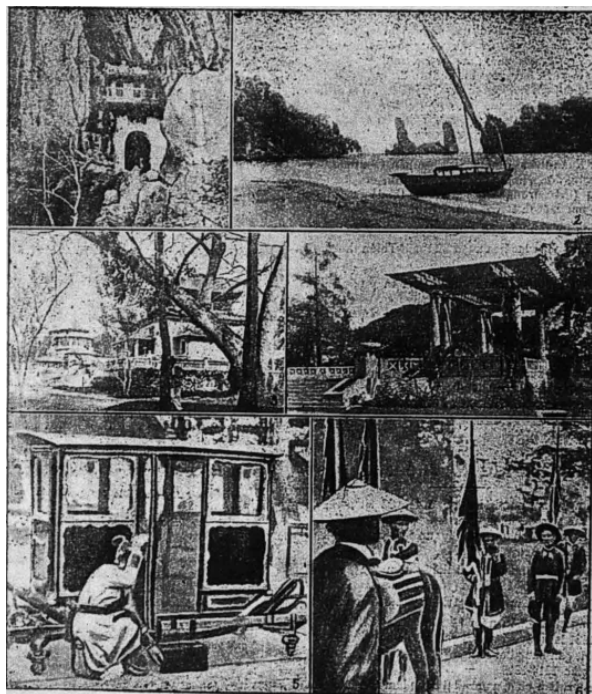
Anh thầy này thấy mình nói không linh nghiệm, bèn tới hỏi ông thầy đã dạy va hồi trước. Ông thầy bèn hỏi :

– Chớ chú lấy cớ gì mà đoán nó ăn thịt gà ?

– Thì tôi thấy trên ván ngựa nó nằm, để một cây chối lông gà mới tinh hảo!

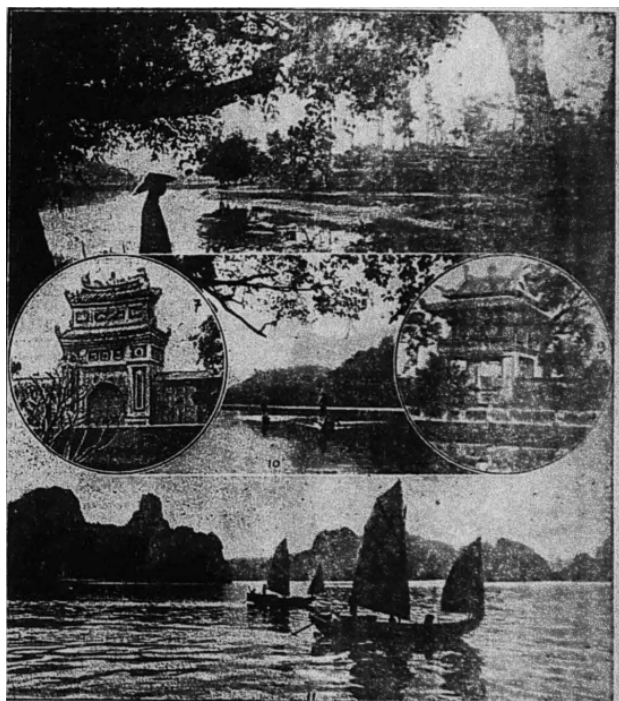
ÍT NHIỀU DANH SƠN THẮNG CẢNH

của nước ta từ Nam ra Bắc



1. Thạch động Hatiên. 2. Hòn Phụ tử ở Hatiên. 3. Đài kỷ niệm và nhà Bảo tàng ở sở thú Saigon. 4. Huê đình ở sở

thú Saigon. 5. Kiệu Ngọc lộ của Hoàng đế nước Nam ngự khi có đại lễ như kỳ tế Nam Giao. 6. Quân lính chục hầu ở trong Hoàng cung, trước khi vua ngự.



7. Lăng vua Tự Đức. - 8. Quang cảnh sông Hương giang ở Huế. 9. Lầu Khuê văn ở trước miếu thờ Khổng tử tại Hà nội. - 10. Phong cảnh hồ Ba bể (Bắc kạn). 11. Quang cảnh Vịnh Hạ long là một cảnh trí thiên nhiên ở vịnh biển Bắc kỳ, người ngoại quốc tới nước ta, tất phải đến coi danh thắng ấy.

NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI
CHỮ QUỐC NGỮ
TỪ 300 NĂM TRƯỚC
CHA ALEXANDRE DE RHODES



Còn nhớ năm 1927, là tam bách
châu niên kỷ niệm của ông
Alexandre de Rhodes tới Bắc kỳ, nên
một bạn đồng nghiệp ngoài Bắc, cơ quan

của đạo Thiên Chúa là báo Trung Hòa, xướng khởi lên việc dựng tượng đồng kỷ niệm vị cố đạo ấy. Việc này hình như hồi đó được ít nhiều dư luận tán thành, là bởi có một số người nhận rằng ông A. de Rhodes chính là ông tổ chữ quốc ngữ của ta bây giờ. Song không hiểu làm sao báo Trung Hòa hô hào một lúc rồi thôi, tượng ông tổ chữ quốc ngữ chưa thấy dựng chỗ nào, mà vấn đề ấy cũng nguội lạnh lần lần, từ ấy đến nay là trên 5 năm rồi, chẳng nghe người ta nhắc nhở đến nữa.

Tôi tuy không phải là người trong đạo Thiên Chúa mặc lòng, nhưng đứng về phương diện quốc gia, phương diện văn hóa mà nói, thì tôi cũng phải tán thành việc dựng hình đồng ông A. de Rhodes để kỷ niệm là phải. Cái lý chánh đáng là vậy : Dầu cho ông không phải

là người sáng tạo ra chữ quốc ngữ mặc lòng, nhưng chính thật ông có công lao về việc sửa sang, việc truyền bá quốc ngữ nhiều lắm. Cũng là nhờ ông trước hết mà dân tộc ta được tiếp xúc với cái văn hóa phương Tây. Người như vậy chẳng đáng cho mình ghi nhớ công lao hay sao?

Các nhà giảng đạo đều công nhận rằng ông Alexandre de Rhodes gây dựng lên nền đạo Thiên Chúa ở Bắc kỳ, và lại là người tổ chức lên các cơ quan tôn giáo ở trong dân tộc Việt Nam ta. Bấy lâu, các nhà bác học, các nhà âm ngữ (linguistes), các nhà sử học, muốn tìm tòi những việc xưa tích cũ của dân tộc ta khoảng 300 năm trước, thì phần nhiều đều phải lục những sách của ông A. de Rhodes đã viết về nước Nam ta, cùng là sách tự điển, sách mẹo học tiếng An-nam, sách Bắc kỳ lịch sử, và các sách du

ký của ông, để làm tài liệu nghiên cứu. Người Pháp cũng không thể quên rằng nhờ sức vận động của ông A. de Rhodes nên mới có hội Truyền giáo Ngoại quốc ở Paris (Société des missions étrangères de Paris) lập ra, tức là cái cơ quan giúp sức vào công cuộc của nước Pháp đi mở mang thuộc địa nhiều lắm. Thiệt vậy, nhờ ông cho nên thế lực và văn hóa của nước Pháp mới tràn lan qua nước Nam vậy.

Ông Louis Cadière viết tiểu truyện ông Alexandre de Rhodes, đã nói như vậy :

– Chẳng những người Pháp mang ơn ông A. de Rhodes mà thôi, cả người Annam cũng mang ơn của ông về phương diện tinh thần trí thức nữa. Dầu cho không phải thiệt ông là người đặt ra quốc ngữ, nhưng mà chính ông đã có

công sửa sang lại, sắp đặt lại, và truyền bá chữ quốc ngữ trước hết, rồi dân tộc Việt Nam nhờ đó mới bắt đầu tiếp xúc với văn minh Tây phương.

Nếu vị độc giả nào đã được đọc năm ba cuốn sách của các cố đạo qua truyền giáo bên ta hồi đời nhà Lê đã soạn ra, thì cũng đã dư biết rằng lời phẩm bình của ông Cadière trên đây là đúng với sự thật.

✱

Ông Alexandre de Rhodes sanh ra ở tỉnh Avignon nước Pháp ngày 15 Mars năm 1591, gốc tích là người Y-pha-nho. Năm 1623, ông từ Lisbonne xuống ghe đi qua phương Đông, đi 4 năm mới tới ; ở xứ Macao học tiếng Nhật Bản, mục đích của ông là muốn qua giảng đạo bên

Nhật, song hồi đó bên Nhật cấm đạo gắt quá, thành ra ông mới qua nước Nam.

Theo sách đạo chép, thì năm 1624, ông cùng 7 ông cố đạo khác, đi ghe từ Mã Cao qua Nam kỳ hết 19 ngày, lên bến Kean, tức là cửa Đà Nẵng, hay là cửa Hàn (Tourane) ở Trung kỳ bây giờ. Ta nên biết thuở ấy cái danh hiệu Nam kỳ (Cochinchine) là cái danh hiệu của đất chúa Nguyễn cai trị, mới có xứ Huế và đất Quảng Nam mà thôi, chớ chưa có sáu tỉnh Nam kỳ, như cái bản đồ ngày nay đâu.

Lên Kean (cửa Hàn), vô ở Hội An, ông bắt đầu học tiếng Annam liền, học có 4 tháng đã dùng mà xưng tội được, và 6 tháng thì giảng kinh được rồi, thật là thông minh hết sức.

Sau khi rành tiếng ta rồi, ông mới vô châu chúa Nguyễn là Sãi vương ở Ai Tử, và cảm hóa được một bà công chúa theo đạo. Nhờ đó mà ông được ở yên tại Huế 18 tháng giảng đạo, có nhiều người theo.

Năm 1627, ông đi ra Bắc ; hồi ấy là đời vua Lê Thần tôn và chúa Trịnh Tráng. Sách chép rằng nhờ vì ông dâng cho chúa Trịnh Tráng nhiều lễ vật đem từ bên Tây qua, có cái “đồng hồ bánh xe”, là chúa ưa lắm, nên ông được phép giảng đạo thông thả ở Bắc kỳ. Bấy giờ ông mới cất nhà thờ, dựng lên họ đạo (chrétienté) thứ nhất ở Bắc kỳ, và đặt tiếng Đức Chúa Trời để chỉ tiếng Dieu. Chúa Trịnh lại còn cất nhà cho ông ở giữa thành Thăng Long (tức là Hanôï). Chúa Trịnh Tráng có người em gái và bà mẹ (vợ Trịnh Tông) đều theo đạo, lại quan lính như dân ở kinh thành theo đạo cũng đông lắm.

Song số người ghét đạo phần nhiều ; họ kiếm chuyện dèm pha với chúa Trịnh rằng các ông cố đạo là người tay trong của họ Mạc ở Cao Bằng và chúa Nguyễn ở Thuận Hóa (Huế), nhưn đó chúa Trịnh sanh nghi, yết thị cấm dân theo đạo và cấm tới nhà của các cố đạo ở. Ta nên biết hồi đó sở dĩ chúa Trịnh cho ông A. de Rhodes và các cố đạo được ở Thăng Long giảng đạo thông thả, là vì lợi dụng được việc này: Có cố đạo ở thì ghe buôn bán của người Bồ đào nha hay tới, đem lễ vật dâng cho chúa Trịnh và giúp súng đạn cho chúa để có khí giới đánh với chúa Nguyễn nữa. Nhưng cách một lúc lâu, không có ghe của Bồ đào nha tới nữa, thành ra qua năm 1630, chúa Trịnh sai lính, dẫn cả bọn ông A. de Rhodes đày vào châu Bố Chánh (tức là Quảng Bình bây giờ), an trí ở một chỗ vắng vẻ, ngay bên núi Hoành Sơn. Núi này là ranh chia

Nam Bắc đời ấy. Thế là ông A. de Rhodes ở Bắc kỳ bốn năm: từ tháng ba năm 1627 cho tới tháng năm năm 1630.

Vô chỗ bị đày ở ít lâu, rồi ông xuống ghe qua Tàu ở 10 năm, cho tới năm 1640, lại trở về Nam kỳ giảng đạo. Tuy tôi chưa được thấy sách nào chép, nhưng nghe nhiều người rành về lịch sử tôn giáo ở nước ta, nói rằng ông A. de Rhodes có công với chữ quốc ngữ ta giữa hồi ông ở Bắc bị đày vô Bố Chánh. Vì trong lúc ấy, ông đi giảng đạo ở mấy tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, là nơi có nhiều người theo đạo, trở nên thầy giảng (Catéchistes), rồi chữ quốc ngữ do mấy người đó mà sanh ra. Có đều ai là người đặt ra trước hết thì không biết.

Từ bên Tàu trở về ở phía Nam nước ta, từ năm 1640 đến năm 1645, ông A. de Rhodes gặp nhiều chuyện gian nan nguy

hiếm lắm. Là vì chúa Nguyễn hồi ấy là Công-thượng-vương đối với đạo Thiên Chúa, khi thì cho giảng tự do, khi lại ra lệnh cấm đoán, làm cho ông phải bôn ba lắm độ, trốn tránh nhiều nơi. Nay ở Quảng Nam, mai vô Qui Nhơn, trong 6 năm trời, ông lưu lạc nội hai chỗ đó, khổ sở cũng nhiều mà giảng cho người ta theo đạo cũng lắm.

Sau hết, chúa Nguyễn là Công thượng vương ra lệnh nhứt định cấm tuyệt đạo Thiên chúa và bắt hết các giáo sĩ. Mấy ông cố đạo kia, chỉ phải đuổi ra ngoài bờ cõi thôi, duy có ông A. de Rhodes thì Công-thượng-vương sai dẫn về Huế hỏi tội. Ngày dẫn ông về tới Huế là ngày 11 Juin 1645, Công-thượng-vương sai hạ ngục, rồi làm án xử tử. Song về sau nhờ có một vị triều thần can gián, nên chúa Nguyễn tha ông A. de Rhodes khỏi

tử hình, nhưng buộc phải ra khỏi nước Nam, không được ở lại giảng đạo nữa. Rồi chúa sai lính giải ông vô Quảng Nam, giao cho quan trấn thủ tỉnh ấy giam lại, chờ có ghe của người ngoại quốc lại thì cho xuống mà đi.

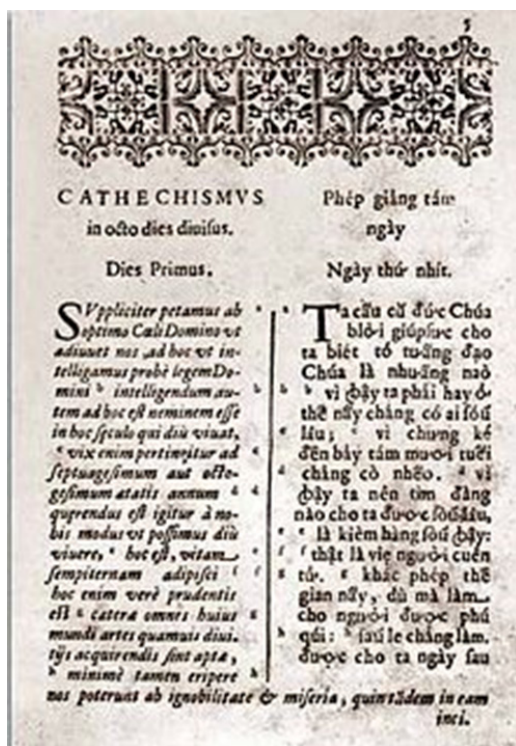
Ông A. de Rhodes ngồi chờ trong ngục Quảng Nam 22 ngày, rồi tới ngày 3 Juillet 1645, thì ông bị giải xuống ghe, đuổi ra khỏi bờ cõi nước Nam. Lần đó rồi ông về Tây ở luôn cho tới già chết, không đáo lại nước mình nữa. Khi xuống ghe tù biệt, ông nói rằng : “Tôi tù giả xứ Nam kỳ bằng xác thịt mà thôi, chứ không phải là tù giả bằng tấm lòng ; cả tới tù giả Bắc kỳ cũng thế.”

✱

Đại khái lịch sử ông A. de Rhodes là thế.

Tuy trong các sách đạo đời trước để lại, hình như không có cuốn nào nói rõ gốc tích chữ quốc ngữ từ đâu mà ra, hay là có sách ấy mà riêng tôi chưa được thấy không chừng, nhưng có một điều chắc rằng ông A. de Rhodes không phải là người đặt ra chữ quốc ngữ. Có lẽ lúc ông qua giảng đạo ở nước ta, thì chữ quốc ngữ đã có rồi, nhưng còn lồi thoi, cho nên ông ra tay sửa sang lại và lợi dụng nó làm thứ chữ in kinh giảng đạo cho tiện. Bởi vậy, trong ít nhiều cuốn sách tôi đọc, thấy mỗi khi nhắc tới ông A. de Rhodes, thì đều, nói rằng ông có công sửa lại chữ quốc ngữ, để truyền dịch tiếng Annam ra, lại làm một cuốn tự điển và một cuốn mẹo tiếng Annam, để lại về sau cho các cố đạo qua truyền giáo ở đây học tiếng

bốn xú. Thứ nhứt là ông có soạn ra một cuốn sách giảng (catéchisme), một bên chữ La-tinh, một bên chữ quốc ngữ; khi bị đuổi ở nước Nam về, ông in sách ấy ở kinh thành La Mã, rồi truyền sang ta, làm cuốn sách rất hữu ích và rất cần dùng cho các thầy giảng đạo. Tấm hình in theo bài này chính là một trương sách đó vậy.



Trang đầu Phép giảng tám ngày
in năm 1651 của linh mục A-lích-sơn
Đắc-lộ.

Bên trái là chữ Latinh, bên phải là chữ
Quốc ngữ

Xem như trên đây, thì thật ông A. de Rhodes không phải là người đặt ra chữ quốc ngữ đã chắc rồi. Vậy thì ai đặt? Cái đó hình như không sách nào nói, cũng không ai biết. Trên kia tôi đã nhắc lại rằng có ít nhiều bạn quen, rành việc đạo đời xưa ở nước ta lắm, nói với tôi rằng: Chữ quốc ngữ có lẽ do mấy thầy giảng người mình ở miệt Nghệ An, Hà Tĩnh đặt ra, mà có các ông cố đạo Langsa, Y-pha-nho, cùng là người Bồ đào nha giúp sức vào nữa. Mấy thầy giảng người mình đó tên gì? Là ai? thì không ai biết được. Có đều nói rằng người Bồ-đào-nha (Portugal)

giúp sức vào thì có lý lắm. Là vì người ta thấy chữ đ ở quốc ngữ là với chữ đ của chữ Bồ đào nha giống nhau, nghĩa là cũng có cái gạch ngang trên đầu, chỗ ấy là chỗ có quan hệ mật thiết với nhau, khiến cho người ta có thể tưởng rằng hay là một ông cố đạo người Bồ đào nha đã đặt ra hoặc giúp sức vào việc đặt ra quốc ngữ vậy. Ai là tổ chữ quốc ngữ? Cái dấu hỏi ấy ta hãy để dành cho các nhà sử học và các nhà khảo cổ, có lẽ một ngày kia họ trả lời cho ta được. Nhưng bây giờ luôn dịp nói chuyện ông A. de Rhodes tôi muốn đọc giả nên để ý rằng chữ quốc ngữ ta hồi 300 năm trước với chữ quốc ngữ bây giờ khác nhau là thế nào, trong đó đã trải qua nhiều thời kỳ biến hóa cải cách ra thế nào.

Độc giả thử ngó kỹ tấm hình trưng sách của ông A. de Rhodes mà tôi in lên

đó, có phải là chữ quốc ngữ hồi thế kỷ thứ 17, khác xa với chữ ta viết ngày nay không? Chẳng phải là khác ít, mà khác từ vần từ dấu, khiến cho ta giở cuốn sách quốc ngữ xưa ra, đọc không xuôi được. Trải 300 năm trời, chắc hẳn người nọ sửa sang, người kia thêm bớt, thời gian đã lắm, công phu cũng nhiều, mới thành ra chữ quốc ngữ học, viết, in sách, in báo bây giờ. Vậy thì do sự khác nhau đó, sự biến thiên cải cách đó, tôi muốn rằng độc giả cũng như tôi, có cái cảm tưởng như vậy: Có phải sửa đổi chữ quốc ngữ hiện tại làm sao cho hoàn toàn hơn, lợi tiện hơn, thì ta chẳng nên lấy gì làm lạ, mà lại còn nên trông mong sự thiết hành sự cải cách cho mau nữa.

Mấy lâu nay, hơn có nhiều người nhiệt thành về sự sửa đổi mấy cái dấu quốc ngữ lại, mà tôi thấy hình như người

ta lấy làm sùng sốt lạ lùng, cho rằng chữ quốc ngữ của tiền nhơn đã đặt sao thì nay ta dùng vậy, sao lại sửa đổi, vả lại ta chắc gì ta giỏi hơn tiền nhơn mà hòng sửa đổi thứ chữ chung cả dân tộc đi. Tôi cho vậy là cái tư tưởng trần hủ, không muốn tiến hóa; cái gì của tiền nhơn đã làm, thì một mực thờ phụng vâng theo, không dám đụng chạm tới. Với chế độ, lễ nghĩa, phong tục, mặt nào cũng thấy nhiều người còn giữ cái óc bảo thủ nhiều quá.

Cái gì mà la rằng không dám hay không nên sửa đổi chữ quốc ngữ của tiền nhơn đã đặt ? Vậy chớ không thấy chữ quốc ngữ hồi đời ông Alexandre de Rhodes và chữ quốc ngữ ngày nay, khác nhau là thế nào? Chẳng phải là trong đó có nhiều phen sửa sang thay đổi đó sao? Tự cái vấn đề sửa đổi năm dẫu, mà

người ta để xưởng lâu nay, chẳng những không trái với ý tiền nhơn, lại giống với công việc tiền nhơn đã làm, và lại cũng hợp với sự cần dùng đương thời nữa. Ta còn tiếc gì mấy cái dấu mà không thay đổi lại cách nào cho lợi tiện, để ta có thể lợi dụng cách in mới mẻ ngày nay, làm cho nghề ấn loát xuất bản của ta tấn tới bằng người ? Sở dĩ thuật chuyện ông A. de Rhodes và phô bày một trương sách cổ ra, tôi chỉ có cái cảm giác đó và cái hy vọng đó thôi.

ĐÀO TRINH NHẤT

Cũng nên biết

Râu và tóc

Chắc ai cũng muốn biết trong một đời người, râu và tóc nó mọc ra được là mấy thước, mấy tấc.

Một ông Bác sĩ nước Nga, có chịu khó khảo xét về chuyện đó rồi tuyên bố như vậy :

– Nếu người nào cứ để tóc mọc ra hoài, đừng có hớt nó đi lần nào cả, thì sức của nó có thể mọc được từ 0m51 cho tới 1m15.

Còn râu, thì mỗi tuần lễ (7 ngày) nó sẽ mọc ra được 3 ly (3 millimètres) và trong một năm nó sẽ mọc dài được 16 phân rưỡi (16 centimètres et demi).

Bác sĩ lại tính, nếu một người đàn ông nào sống đến 80 tuổi, mà cứ cạo râu hoài, thì người ấy đã cắt đứt từ 8 đến 9 thước râu của họ vậy !

Phụ nữ Tân văn

PHỤ NỮ TÂN VĂN là một tờ báo chung của Quốc dân Nam việt, một người bạn tốt của chị em.

PHỤ NỮ TÂN VĂN là một tờ báo chỉ biết chơn lý là chuẩn đích của mình.

PHỤ NỮ TÂN VĂN

quyết ra công gắng sức

vì chị em mưu một cái hạnh phúc
chánh đáng,

vì xã hội mưu một địa vị tương lai.

MUA PHỤ NỮ TÂN VĂN tức là tán
thành

cho các công việc của P. N. T. V. làm.

ĐỌC PHỤ NỮ TÂN VĂN rồi

lại nên cổ động cho người khác đọc.

TAO KHÁCH VỚI MÙA XUÂN

uýt phủ đầu non, giá đóng
mặt biển, hơi may xan xát, gió
bắc lạnh lùng, cây cối phơi sườn, chim
muông bật tiếng: non sông chung một vẻ
tiêu điều, vũ trụ đầy một bầu lãnh khí...
Cái cảnh trời đông đương khắt khe lạnh
lùng như thế, mà bỗng dưng khí vận lại
thay đổi, vùng thái dương ở đâu lại đem
cái yến sáng dường sanh mà ban bố trở
ra cho muôn loài động thực. Rồi mà trên
cảnh liễu lục, oanh hót líu lo, giữa chốn
vườn hồng, đào cười chúm chím: xôn
xao ong bướm, hớn hở yến anh, trong

chỗ ngỏ hạnh đường hoa dập diu chẳng
thiếu chi những khách tầm phương, giai
nhân tài tử. Trời đất muốn vật hình như
thình lình từ trong cái chết mà sống trở
ra; ma con người ta lúc ấy cũng phơi
phới trong lòng, thành thời trong tri, ai
giả thì thấy như mình được trẻ lại, ai trẻ
thì lại thấy như mình vẫn trẻ hơn, già trẻ
lớn bé, đều chan chứa những mối xuân
cảm xuân tình, hình như được vật cũng
xuân để mà thưởng những mối xuân với
trời đất muôn lấy cái xuân xanh bất an...
Thật có như lời thơ của Ronsard:

Quand ce beau printemps je vois.

Topercois Rojeanir la terre et l'onde;

Et me semble que le jour

Et l'amour,

Comme enfants naissent au monde

Xinh đẹp thay, cái cảnh xuân,
Non sông chung một vẻ thanh tân.
Điểm tô khen bấy tay con Tạo,
Xuân nhứt, xuân tình, vũ trụ xuân!

Đối với cái tiết thiếu quang minh mý, như ghẹo như trêu, đâu những người dung tục còn phải xúc cảm thay, nữa là cái bon da-tinh da cảm hơn hết ở trong đám người ta: là cái bọn thi nhơn tao-khách ở Thát, một năm có bốn mùa, mà nên thơ nhứt tin duy có cái cảnh mùa xuân, bởi vậy bao nhiêu nhà thi sĩ xưa nay, cảm tưởng tuy có khác nhau, như rags set ra thì cơ hồ không mấy ai là chẳng có những bài thơ về xuân-cảm; Trước hết, hãy xin nói luôn về Ronsard. Ronsard, ngoài mấy câu thơ đã nhắc ở trên kia, thi trong bài thơ gởi cho nàng Hélène de

Surgères, là người đàn bà mà tiên sanh đã gặp gỡ một ngày nọ về đầu mùa xuân, sau khi đã khuyên người đàn bà ấy chớ nên bỏ hoài cái tuổi xuân xanh, Ronsard bèn kết luận rằng :

Vivez, si m'en croyez,

n'attendez à demain:

Cueillez des aujourd'hui

les roses de la vie.

Ngày xuân như cánh hoa tươi,

Nay còn tươi đó, đến mai đã tàn.

Nàng ôi, tôi dám khuyên nàng,

Tin tôi, thời chớ phụ phàng ngày xuân.

Mấy câu ấy khiến cho ta sức nhớ lại khúc hát “Kim-lũ-y” của Đỗ Thu Nương

ở bên Tàu :

Khuyến quán mặc tích kim-lũ-y,

Khuyến quân tích thủ thiếu niên thi.

Hoa khai kham chiết, trực tu chiết,

Mặc đãi vô hoa không chiết chi !

Kim-lũ-y, tiếc làm gì,

Khuyên chàng hãy tiếc lấy thì xuân
xanh.

Hoa kia mơn mớn trên cành,

Thà rằng bẻ quách cho đành lòng ai :

Chờ khi lá rụng hoa rơi,

Bẻ cành chẳng cũng thiệt thời lắm
ru !

Ronsard cũng như Đỗ Thu Nương,
cũng như một số rất đông nhà thi sĩ

khác, đối với ngày xuân cũng có một cái quan cảm giống nhau, tức là xúi giục cho người đời phải chơi xuân, kéo nữa không mấy lúc mà xuân hết.

Remy Belleau thì khen tặng mùa xuân như thế này:

Avril, c'est ta douce main

Qui, du sein,

De la nature, desserre

Une moisson de senteurs

Et de fleurs

Embaumant l'air et la terre...

Này mùa xuân kia ơi !

chính người đã thò cái bàn tay dịu dàng vào trung tâm vỏ trụ, và đem ra một mớ hương thơm, hoa đẹp mà gieo

khắp trên mặt đất và giữa không gian....

Jean Antoine du Baif thì đã quá quyết trong bài “tứ tuyệt” sau đây rằng mùa xuân là mùa khả ái:

La froidure paresseuse

De l’hiver a fait son temps.

Voici la saison joyeuse

Du délicieux printemps!

Cơn lạnh lẽo nhác nhờn

của mùa đông đã qua rồi.

Bây giờ đây là đến những cái ngày

vui vẻ của tiết xuân êm đềm.

Một nhà thi hào như Alfred Musset thì đối với mùa xuân lại càng không thể vô tình hơn ai hết. Trong một bài kiệt tác

đề là Đêm tháng năm (tức là tháng trong xuân của dương lịch), tiên sanh có thác lời của Nữ-thi-thần (Muse) nói chuyện với thi nhân rằng :

Poète, prends ton luth et me donne
un baiser;

La fleur de l'églantier sent ses bour-
geons éclore.

Le printemps naît ce soir,

les vents vont s'embraser,

Et la bergeronnette, en attendant
l'aurore,

Aux premiers buissons verts com-
mence à se poser.

(Này thi nhân ơi ! Nhà người hãy
mau mau ôm đờn ra đây và hôn ta một
cái; cái hoa cây hường nó đang sắp nở.

Mùa xuân sắp tới nội đêm nay, gió xuân sẽ ấm áp lắm. Còn ở trong lùm cây xanh kia thì con chim chìa vôi đương đậu sẵn để chờ mặt trời mọc.)

Còn Victor Hugo thì lại nặng tình với xuân đến nỗi đã để dành cho mùa xuân trọn một tập thi của tiên sanh, tức là tập *Chansons des Rues et des Bois*, trong đó chẳng thiếu gì những cái cảm tưởng cao thượng về mùa xuân, tha hồ cho chúng ta lựa chọn...

Delille thì so sánh cảnh xuân với cảnh mặt trời mọc:

L'année a son aurore,

ainsi que la journée !

Ah! malheureux qui perd

un spectacle si beau!

(Mỗi năm cũng có cái lúc rạng đông của nó như mọi ngày. Ai mà bỏ qua không trông ngắm cái quang cảnh xinh đẹp ấy, thì nghĩ cũng thiệt thòi lắm thay !)

Và lại nói :

Ah ! Les beaux jours vont

donc me rendre les beaux vers !

(Trong lúc ngày xuân đi ta lại sẽ ngắm nên được những câu tuyệt diệu !)

Những cái ví dụ như nầy giờ, nếu tôi kể thêm cũng vẫn còn nữa, song thiết tưởng bấy nhiêu cũng đủ rồi, không cần phải kể cho nhiều lắm. Tôi chỉ xin nhắc thêm hai câu thơ của nhà “nữ thi hào” Rosemonde Gérard (tức là Edmond Rostand phu nhơn) ở trong bài “Cây sấu đông” (le lilas) của bà :

On ne se repose qu'en rêve,

Et l'on ne rêve qu'en avril.

(An nhàn gắm có trong cơn mộng,
Mà mộng nào qua giấc mộng xuân)

Trong thơ của người Tàu, những chỗ vui xuân, mừng xuân, buồn xuân, tiếc xuân... thật không biết bao nhiêu mà kể. Ông Lý lịch thì hờ hững với xuân đến nổi say nằm ngủ tít, tới chừng mở mắt ra, chợt thấy “một con chim kêu trong lùm cây”, thì mới nhận biết nó là con chim oanh, và mới hay rằng mùa xuân đã đến! Ông Đỗ Phủ thì lại trông thấy xuân về mà chạnh nhớ tình cảnh giang sơn tổ quốc :

Quốc phá sơn hà tại,

Thành xuân thảo mộc thắm

Cắm thời hoa tiên lệ,

Hận biệt điều kính tâm...

Chẳng những đàn ông, mà đàn bà lại còn có tình với xuân hơn nữa. Thử giở quyển “Trung Quốc phụ nữ văn học sử” ra mà xem, ta sẽ thấy rằng hầu chẳng có một người đàn bà nào đã biết làm thơ mà lại chẳng làm bài thơ nào về mùa xuân. Chẳng khác như đi ngang qua bãi cát lớn mà chỉ lượm lấy một hột để cầm tay, đây tôi cũng chỉ xin thử trích tình cờ lấy một bài thơ xuân của một người đàn bà Tàu về đời nhà Minh :

Xuân vỏ quả xuân thành,

Xuân đỉnh xuân thảo sanh.

Xuân khuê động xuân từ,

Xuân thu kiếu xuân oanh.

(Mưa xuân lún phún thanh xuân,
/ Cỏ xuân đua mọc trước sân xanh rì
/ Xuân oanh học nói cảnh kia. / Lú lo
khiến khách xuân khuê nảo lòng.)

✱

Bây giờ lại xin xét luôn thử các thi nhân Nhựt Bồn đối với mùa xuân ra sao. Như ta vẫn biết, dân tộc Nhựt Bồn vốn là một giống dân sẵn có tánh yêu mến, ham mê những cái cảnh đẹp thiên nhiên của trời đất bốn mùa, đó là một thứ tình cảm rất cao thượng nó làm cho cuộc đời của họ được êm đềm, phong thú. Đã có sẵn cái thiên tánh như thế nên chỉ những mối cảm tình của người Nhựt đối với mùa xuân mới lưu lộ chứa chan trong những thi ca, ngâm vịnh.

Ngay hồi thế kỷ thứ X kia, mà nhà nữ sĩ danh tiếng nhứt của Nhật Bản lúc bấy giờ là Sei Shonagon cũng đã nói về mùa xuân như vậy :

“Không còn gì xinh đẹp bằng tiết mùa xuân, ngồi mà lặng ngắm cái cảnh mặt trời từ từ mọc lên, mãi cho đến lúc bóng dương quang đã rỏn- đởn trên đầu non, và nhìn cao hơn nữa, thì lại thấy giăng ngang những vết mây đỏ rực.”

Trong những thi ca của Nhật Bản về thế kỷ thứ VIII, ta đã thấy có hai bài vịnh hoa mai rụng như vậy :

Les couleurs des fleurs

Sant brouillées sous la neige,

Tellement qu'on ne peut les voir:

Mais leur parfum qu'on respire

Révèle leur présence.

Par cette nuit de printemps

Obscure et sans formes,

Des fleurs de prunier

La couleur est invisible:

Mais leur parfum peut-il se dérober?

(Những đóa hoa rơi rụng tuy ta không thể nào trông thấy được màu đẹp của nó, vì rằng nó bị tuyết phủ lên trên; song chỉ nghe theo mùi hương, ta cũng biết ngay rằng vẫn có hoa chôn ở dưới tuyết. Đương giữa cái đêm xuân lờ mờ không thể nhận ra hình dạng này. Đành rằng ta chẳng thấy được cái màu tươi sắc đẹp của hoa mai: nhưng cái mùi hương của mai thì có giấu cùng ai được?)

Tuy là nói về hoa mai mùa xuân,

nhưng thật thì có ý ngụ về người đàn bà. Một đóa hoa mai bị vầy dập ở dưới đồng tuyết trắng, dầu không thấy sắc nhưng cũng cứ nghe hương, khách tầm phương ai là người chẳng đem lòng yêu quý, cũng chẳng khác nào đối với người đàn bà con gái tuy mình chưa quen biết lần nào, nhưng miễn xa nghe cái danh thơm tiếng tốt của người ta thì tự nhiên ai cũng đem lòng thương mến vậy...

Lại trong một vở kịch bằng thơ đã ra đời hồi thế kỷ thứ XV, tên là tuồng Nô Tamura, những mối xuân cảm chứa chan của tác giả cũng đã lưu lộ trong mấy câu thơ này :

En vérité, en vérité, voici l'heure précieuse.

Ecartons toute autre pensée.

Cet instant du printemps,

En vérité, il faut en jouir jalousement.

Oui, il faut en jouir jalousement.

Un seul instant d'un soir de printemps vaut mille pièces d'or.

Des fleurs le parfum est pur; la lune répand sa clarté.

En vérité, pour mille pièces d'or, je ne l'échangerais pas,

Cette heure, ce moment présent!

Ah ! qu'il est admirable

Le spectacle qu'offrent les fleurs du Maître du sol!

Entre les branches des cerisiers filtre la lumière de la lune,

Telle une chute de neige.

La brise de la nuit.

Emporte les fleurs: avec elles

Mon cœur aussi se brise et s'effeuille.

Dans l'ombre verte des jeunes saules

Le vent doucement fait entendre son
murmure.

De la cascade les fils blancs

S'étirent sans fin. Plus on les regarde.

Plus ce spectacle paraît admirable,
plus il ravit.

Le ciel semble énié de la beauté des
fleurs.

Ah! l'admirable moment du prin-
temps!

(Quý lắm a ! Quý lắm a ! Cái giờ xuân đến thật là giờ tiên. Bao nhiêu tư lự ưu phiền, Thôi thôi hãy tạm gác bên cỗi lòng. Ngày xuân ta hãy thông dong. Hãy thông dong để vui cùng cảnh xuân. Hoa thơm, trăng lại sáng ngần, Ngàn vàng mới đáng đêm xuân một giờ ! Dầu nghèo là khách làng thơ. Ngàn vàng chẳng đổi một giờ này đâu ! Chúa xuân khéo biết ngần nào ? Trăm hoa rục rở một màu điểm trang. Vườn xuân thơ-thần chị Hằng. Cành đào chói lọi, ngỡ rằng tuyết sa. Gió xuân rơi rụng bấy hoa, Nhìn xem hoa rụng thiết tha tấm lòng. Gió xuân phe phẩy cành dương, Rì rào tiếng gió như dường tiếng ai. Mạch xuân phun nước trắng ngời, Cùng nhìn mạch nước, cùng ngơ ngần tình... Trăm ngàn vẻ lịch màu xinh, Trời già kia cũng như hình say sưa. Đêm xuân càng ngắm càng ưa !)

Một đoạn nói về cái xuân của thi nhân Nhật Bản đây, tôi đã dựa theo trong quyển sách “Tâm lý người Nhật” (Le cœur japonais) của giáo sư Félicien Chiallaye. là một người đã có công nghiên cứu về dân tộc Nhật Bản nhiều lắm.

Trong bài thơ xuân trên đó, có hai câu vừa rồi chắc đã làm cho độc giả phải chú ý :

Hoa thơm, trắng lại sáng ngần,

Ngàn vàng mới đáng đêm xuân một giờ!

Khi đọc tới hai câu ấy, chắc ai nấy cũng phải nhớ sức đến hai câu :

Xuân tiêu nhứt khắc trì thiên cảm,

Hoa hữu thanh hương, nguyệt hữu âm.

của người Tàu : bởi vì đôi bên vẫn giống nhau như một khuôn ! Song có một điều, mà tôi chẳng dám biết, là trong vụ này, anh Nhựt đã “bợ” của anh Tàu, hay anh Tàu đã “bợ” của anh Nhựt há ?

✱

Mãng nói về cái xuân của thi nhơn Tàu, của thi nhơn Nhựt, của thi nhơn Tây, mà chẳng nói đến cái xuân của thi nhơn bốn quốc, thì chi cho khỏi bị trách rằng “Bụt nhà không thiêng !..” Mà về việc gì khác thì tôi không dám biết, chớ ở trong việc này, thì quả nhiên Bụt nhà ta không thiêng bằng Thích ca ngoài đường thật ! Thử lật những tập thi tuyển ra mà xem, ta sẽ thấy rằng các bậc tao khách Việt Nam ta từ xưa đến giờ đối với mùa xuân vẫn hờ hững tẻ! Thỉnh thoảng cũng

có thấy một đôi bài thơ xuân hứng, xuân cảm, song những mỗi cảm hứng của thi nhân ta về mùa xuân, nói cho phải, nó vẫn vẫn rất mập mờ chờ chẳng đặng dài hơi, tởm như của Tàu của Tây. Thời hãy xin cử ra đây một vài ví dụ:

Thanh thời thuở đông rồi xuân
chiếm,

Ngấn hàng băng từng phiến tan
không.

Cỏ hoa đua muôn tía nghìn hồng.

Trên tiệc mở câu thơ chén rượu.

Triều đình hữu đạo thanh xuân hảo,

Môn quân vô tư bạch nhật nhân.

Dầu là dân hay dầu là quan,

Ai ai chẳng lẽ suy hành lạc.

Ngày chín chục trăng đưa bóng ác,

Cái hoàng oanh riu rít trên cành

Lần là dương liễu xanh xanh...

Lại như bài này :

Nhơn sanh thất thập cổ lai hy,

Trước ngầy thơ sau tuổi tác kể mà
chi ?

Hội trung gian xuân có một thì,

Thoi thấm thoát, câu đà bóng xế.

Thế nhơn bất giải thanh thiên.

Không sử thần tâm bản đa phiến.

Khách tài tình gặp hội thanh niên.

Cuộc hànfi-lạc được bao nhiêu là là
đấy.

Tai mắt ấy, mà nhìn phong cảnh ấy,

Buổi xuân hoa, thu nguyệt, nghĩ càng thêm!

Kìa ai đánh đuốc chơi đêm...

Ta nên nhận rằng trong mấy bài thơ xuân đó, tình nhiều hơn cảnh; giả hoặc cũng có tả cảnh, nhưng đều là những cái cảnh không có, những cái cảnh mượn trong thơ Tàu, như :

“Ngấn hàng băng từng phiến tan không” cùng là “cái hoàng oanh riu rít trên cành” vậy.

Theo phép làm thơ, thì thơ như vậy gọi là thất thiệt. Dẫu đến một bậc thi ông rất tài tình về lối tả cảnh như ông Nguyễn Công Trứ, mà khi tả đến cảnh xuân cũng không sao tránh khỏi những sự thất thiệt như thế :

Xuân sang hơn có thêm tươi.

Khoe màu quốc sắc, nức mũi thiên hương.

Tiết xuân tới hơi dương đầm ấm,

Khí phát sanh rảy thấm trên nhành.

Thũ tập bay, bướm mới uốn mình,

Muốn học nói, oanh còn lạ tiếng.

Liều hoán cựu lục oanh do tỉnh,

Đào thi tân hồng, điệp vị tri.

Hội đông phong đào liễu xanh rì,

Đượm tàn tuyết đầu non trắng xóa.

Buổi hóa lạc khí trời êm ả :

Hội đạp thanh xa mã dập dìu,

Ngàn vàng một khắc xuân tiêu !

Bức tranh xuân của ông Thượng Trứ, nét bút tuy thiết là tài tình, song nếu muốn cho đúng với cái cảnh xuân ở xứ ta, thiết tưởng phải xóa bớt mấy “con chim oanh đương học nói”, với lại cái “mở tàn tuyết ở đầu non” kia đi mới được. Ngặt vì nếu bỏ bớt mấy cái ấy đi, thì thôi, còn gì là xuân nữa !...

Duy có ông Tú Xương thì hình như không bao giờ ông chịu phạm cái bịnh thất thiết, bởi vậy trong những thơ xuân của ông thật ít thấy mấy món “liều lục, oanh vàng, đào hồng, tuyết trắng” v.v...

Sấm sửa năm nay khéo thật là,

Một màn mứt rận mới bày ra.

Xanh đồng thẳng lại đen rừng rúc,

Váy vãi bỏ ra béo thực thà.

Kẹo chủ Triều châu đầu độ được,
Bánh bà Hanh Tụ cũng thua xa.
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt,
Lại tưới thêm vài ít nước hoa.

]*

Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà.
Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột,
Om thòm trên vách bức tranh gà !
Chí chao chí chát đua giày dép,
Đen thúi đen thui cũng lượt là !
Dám hỏi những ai nơi cổ quận :
Rằng xuân xuân mãi thế ru mà? ...
Song ta lại nên nhận kỹ rằng đó là

ông Tú tả về cái cảnh ăn Tết ở nhơn gian nhiều hơn là cái cảnh mùa xuân của trời đất. Cũng có lúc ông Tú chỉ tả độc về cảnh mùa xuân và cũng không thềm mượn những cảnh sẵn có ở trong thơ Tào :

Tài tử giai nhơn chữ hảo cầu,

Tình xui nên nặng, nghĩa nên sâu.

Giang tay trẻ nguyệt trên bờ liễu,

Đổi bóng thể hoa trước cửa lầu.

Trở gót buồn loan chung gối
phượng,

Chờ gương cung quế rọi rèm châu.

Liễu hoa gặp hội xuân dương mẫu,

Tài tử giai nhơn vốn hảo cầu.

Hay là:

Ta lại cùng nhau gặt gở xuân,
Xuân đi xuân lại biết bao lần !
Xuân ôi ta hỏi xuân xem nhé :
Quả đất còn bao độ chuyển vần ?

*

Người thưởng xuân, ta có lẽ không ?
Vườn xuân ta hái một vài bông.
Đem về thơ viện bên chồng sách,
Hơn hờ cười xuân với hóa công.

Ấy đó, khéo đến như vậy cũng đã là
khéo, đẹp đến vậy cũng đã là đẹp; song
giá đem mà đo với những bức tranh mùa
xuân của Tàu hay của Tây, thì phải chịu
rằng nét bút của nhà thơ Việt Nam ta rõ
ràng là nhạt lấm.

Thơ xuân của ta sở dĩ phai lợt sắc phai màu một bên thơ Tàu thơ Tây, Bụt trong nhà ta sở dĩ không thiêng bằng Thích ca ngoài đường, chúng ta há lại chẳng nên xét thử cái lỗi ấy bởi đâu mà ra?



Ấy chính là điều mà tôi muốn chỉ tỏ ra đây để kết luận bài này luôn thể. Tôi muốn chỉ tỏ cái nổi thiết thời của các thi ông tao khách ta về mùa xuân, nổi thiết thời gây nên bởi những duyên có thuộc về cái vị trí của xứ ta ở trên dư đồ thế giới. Thật vậy, ở các xứ thuộc về hàn đới hoặc ôn đới, những sự thay đổi của bốn mùa rất là phân minh rõ rệt : vệt núi mùa xuân, cơn nắng mùa hè, trận gió mùa thu, ngấn tuyết mùa đông, trên cái sân khấu của rạp hát thiên nhiên, mỗi màn đều có những tranh cảnh riêng của nó; hễ mùa đông càng khắt khe lạnh lẽo chừng nào, thì mùa xuân mới rực rỡ xinh đẹp chừng nấy, đó là cái lẽ bù chi tự nhiên của Tạo hóa, mà là cái cơ hội để kêu gọi cảm hứng cho thi nhân như đã nói ở đầu bài này vậy. Chớ còn ở một xứ như xứ ta, xuân gì mà không oanh, không yến, không liễu, không đào, năm năm

tháng tháng ngày ngày, ngày qua tháng lại, đâu rày là xuân? Cảnh đã chẳng trêu người, thì người vì đâu mà cảm xúc? Thơ đã không có cảnh, thì thơ vì đâu mà mặn mà? Bởi vậy nên đáng buồn cười thay cho một bọn “thi sĩ mượn hồn”, cả đời chỉ lặp đi lặp lại có năm ba câu sáo cũ, thấy trong truyện Kiều về chỗ tả mùa xuân có “con oanh thỏ thẻ” thì họ cũng bắt chước mà “thỏ thẻ con oanh”, có “tơ liễu buông màn” thì họ cũng bắt chước mà “buông màn tơ liễu”, chớ chẳng dè rằng mùa xuân trong truyện Kiều là mùa xuân ở “đời Gia tỉnh triều Minh”, là mùa xuân ở bên Tàu, nên mới có những “thoi én, nhụy đào, ca oanh, tơ liễu”, chớ nhè đem những cái ấy mà ghép vào mùa xuân Việt Nam ta, thì ma nào mà xem được chớ !

Nhưng buồn cười cho cái bọn thi

ông mượn hồn ấy bao nhiêu, ta cũng nên tiếc giùm cho các bậc thi ông chơn chánh bấy nhiêu, vì rằng mỗi khi muốn tả cảnh mùa xuân ở xứ mình, nếu lập ba câu sáo như ai thì không đành, mà nếu nhìn vào cảnh thiệt của xuân, thì thiệt không có cảnh gì hết.

Mặc người tuyết núi hoa sân,

Riêng mình nào biết có xuân là gì !....

Mme Phương Lan

Văn Hoa Viên

**NHÂN TÀI VIỆT NAM
Ở NGOẠI QUỐC
NGUYỄN CHẤN NAM
VÀ QUỸ THUẬT**

Tên Tàu, trong Quốc Dân đảng và trong một cơ quan của chánh phủ Nam Kinh hiện nay, có một người thanh niên danh tiếng lắm, tên là Nguyễn Chấn Nam. Người này rất giỏi về nghề quỹ thuật, lâu nay giữ việc tuyên truyền cho Quốc Dân đảng. Chúng tôi thường đọc các báo chí Tàu, lâu lâu lại thấy nói đến tên người ấy: vậy đủ biết Nguyễn Chấn Nam cũng là tay xuất sắc

lắm trong xã hội Tàu ngày nay.



Hình Nguyễn Chấn Nam

Nhưng theo bạn đồng nghiệp Trung Lập mới đây có nói, thì Nguyễn Chấn Nam là người Việt Nam ta. Cha của Chấn Nam là Nguyễn Giảng-Khanh, nhưn đi theo ông Tán Thuật qua Tàu lúc trước rồi ở luôn đó và cưới vợ Tàu mà đẻ ra Chấn Nam. Chấn Nam có ba anh em trai, hai người anh có đi học, làm quan ở Tàu, còn Chấn Nam là em út.

Lúc lớn lên, Chấn Nam có đi học và tốt nghiệp ở các trường lớn bên Trung quốc ; nhưng về sau chuyên tinh một nghề quỷ thuật, nhờ vậy mà được chánh phủ Tàu ủy cho chức tuyên truyền, và cũng nhờ đó được lòng lấy tiếng khen. Xem tấm hình Chấn Nam đứng trên đây, thấy nơi ngực đầy những mề đay, đủ biết cái nghệ thuật của va ở Tàu cũng có giá trị lắm.

Thấy nói Chấn Nam tuy làm dân Tàu, giúp việc cho chánh phủ bên ấy, chứ vẫn không quên mình là người Việt Nam. Duy có sanh trưởng ở ngoại quốc, cho nên chớ hể biết một tiếng Annam nào.

Trung Lập báo số 6372, ngày 17 Octobre 1931, có bài nói về Chấn Nam mà người viết bài ấy nói quả quyết Chấn Nam là người nước ta như trên đó, và lại

nói chính mình lúc ở ngoại quốc có biết Chấn Nam nữa, như vậy có lẽ là thật.

Nghề quý thuật ở trong nước ta hiện nay cũng đã có một vài nhà trứ danh. Con mắt chúng ta đối với họ đã lấy làm thường. Nhưng nếu một người Việt Nam nào ở ngoại quốc mà lại trứ danh về cái nghề ấy, thì hẳn chúng ta còn thấy mà tô điểm thêm hơn. Ấy chẳng có gì lạ, chỉ vì cái lòng ái quốc tự nhiên, ai nấy vẫn có.



Một màn diễn trò của Ng.ch.Nam.

Đứng giữa là Chấn-Nam, hai bên là hai người phụ

Vậy nếu Nguyễn Chấn Nam là người Việt Nam thật, thì khi đọc đến bài này, thấy những bức hình đăng theo đây, và vài trò ma thuật của va sắp kẻ đây, hẳn là độc giả có cái cảm tình đặc biệt là dường nào !

Gần đây thấy một cái tạp chí Tàu trong đó có đăng bài giảng diễn về quỷ thuật của Nguyễn Chấn Nam. Vì nghĩ như trên kia, chúng tôi bên dịch ra đăng tiếp dưới này, để gợi cái cảm tình đặc biệt ấy của độc giả, cũng để mua vui và giúp cho sự tri thức ít nhiều.

Cứ như lời báo Tàu nói thì cái nghề quỷ thuật của Chấn Nam xuất sắc lắm, chứ không phải tầm thường như những tay đi diễn trò đạo mà ta thường thấy

đâu. Thấy nói Chấn Nam lại có tài diễn thuyết nữa. Mỗi lần va làm trò và diễn thuyết, thiên hạ rủ nhau đi coi, có đến hàng ngàn hàng vạn người.

Bài giảng diễn dưới này chính mình Chấn Nam đã đọc tại một học hội kia, và có người chép bằng tốc ký mà đăng lên báo. Trong đó, va chỉ mới bắt đầu bày cho thính giả xem hai trò mà thôi, và hai trò này kể cũng vào hạng tầm thường. Tuy vậy, đã là của một nhà nghệ thuật Việt Nam ở ngoại quốc thì chúng ta cũng phải coi là quý, vì cái lòng ái quốc nó buộc chúng ta phải vậy.



Một màn diễn trò của Chấn Nam :

Trò “uống thiếc”

GIẢNG DIỄN VỀ QUỶ THUẬT
(của Nguyễn Chấn Nam)

Quỷ thuật là một trò chơi mà ai ai thấy cũng phải mê, vì cơ nó lạ lùng phi thường quá. Nhiều người muốn nghiên cứu quỷ thuật, nhưng rút cuộc ai cũng kêu là khó, là vì những tay giỏi nghề ấy họ hay giấu mẹo, không chịu bày cho tới

nơi ; còn sách vở duy về nghề ấy cũng hay nói tắt hút, không chịu chỉ ra cho rõ. Nay tôi nhứt định phá cái lệ ấy. Tôi nguyên đem hết thầy những điều tôi đã nghiên cứu được hơn mười năm nay, mà cống hiến cho đồng nhân, là người ở xung quanh tôi đây. Liệt vị nghe tôi giảng, rồi đến khi về nhà lại tự nghiên cứu lấy nữa, thì không bao lâu, liệt vị cũng sẽ trở nên một nhà quý thuật như tôi vậy.

Ta kêu bằng quý thuật hay ma thuật, nghe như là trong đó có sự biến hóa của ma quỷ gì, chứ kỳ thiệt không phải. Quý thuật chỉ là một thứ khoa học huyền diệu ly kỳ đó thôi. Những việc mà đời xưa cho là quái lạ, đời nay nhờ khoa học giải thích ra, nó không phải là quái lạ nữa, mà chỉ là một cái học. Đã là cái học thì ai cũng học được hết, và ai cũng làm được hết.

Như tàu hỏa chạy dưới nước, xe hơi chạy trên bộ, máy bay bay trên không, theo đời xưa, chẳng phải là quái lạ sao? Chẳng phải là quỷ thuật sao? Giá có thể cho người đời xưa thấy những vật ấy, thì họ trầm trồ biết chừng nào. Nhưng chúng ta nay nay coi những vật ấy, chúng ta cho là thường, vì chúng ta biết rằng do khoa học chế ra nó. Lại như cây quẹt, chẳng phải là quỷ thuật sao ? Cái gì lại một cái que nhồi cọ vào miếng dăm cây đen đen, là dăm bật ra lửa ? Nhưng vì chúng ta thấy cây quẹt đã quen lắm rồi, biết bởi khoa học chế ra nó rồi, chúng ta không lấy làm lạ nữa.

Vậy thì những trò quỷ thuật tôi đã diễn, hoặc ai đã diễn, khán giả đều phục là đại tài đó, là khi khán giả chưa biết đó thôi; khi khán giả biết là khoa học rồi, sẽ không cho là đại tài nữa vậy.

Nay tôi xin đem vài trò dễ dễ mà cắt nghĩa cho liệt vị nghe. Vài trò này đều là tự tôi nghiên cứu lấy, chớ chưa hề có nhà quý thuật nào đã diễn lần nào hết.

Trò thứ nhứt - CÁI VỢT HÚT LÁ BÀI

Cách diễn trò. – Trong lúc diễn, người đứng diễn lấy cái vợt (vợt đánh ping-pong) đã để sẵn trên bàn đó đưa cho khán giả coi qua, tỏ ra là trong đó không có máy móc gì hết. Rồi lấy cái vợt để trên bàn đó. Lại đưa ra một bộ bài, giao cho khán giả lựa lấy một lá (phỏng cho là là ách Rô đi). Người đứng diễn bảo khán giả nhớ lấy huê và màu của lá bài mình đã lựa, xong rồi thì đút lá ách Rô ấy vào trong bộ bài. Người đứng diễn cầm bộ bài ngó lơ đi mà xóc đến xóc đại. Đoạn, tay trái cầm bộ bài dỗi cả lên, tay mặt cầm vợt mà hứng những lá bài rớt

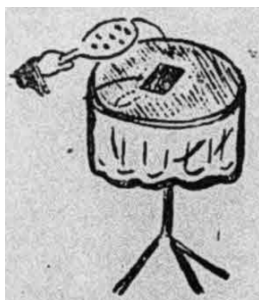
xuống, thì chỉ có một lá là lá ách Rô ấy dính vào trong vợt, còn bao nhiêu rớt xuống đất cả.

Cắt nghĩa tại làm sao. – Muốn diễn trò trên đây, trước khi diễn, phải sắm sẵn nhiều lá bài Rô ách, mà lấy một lá bài đen bề lưng nó đi. Cái bàn thì có phủ vải đen lên: lá bài bài đen ấy, để úp nó trên bàn, điệp với màu vải đen mà không ai thấy được. Và trên lưng con bài ấy có thoa sẵn một chút keo hay là hồ.

Người đứng diễn, khi đưa cái vợt cho chúng coi rồi, lấy về để nó chặn trên lá bài có bài keo ấy, tức nhiên nó dính vào cái vợt mà nó là lá ách Rô.

Khi cầm là bài họ lựa dứt vào bộ bài của mình mà xóc rồi, người đứng diễn cầm nó liệng lên không, một tay làm bộ cầm vợt hứng lấy, nhưng lá ách Rô đã

dính sẵn trong vệt rồi, lúc làm bộ đó chỉ lật cái vệt lại thì thấy trên vệt có lá ách Rô.



Đây là lá bài có bôi đen và trét hồ

Khó là tại cả một bộ bài, làm sao biết được khán giả lựa con ách Rô mà mình dán trước nó vào vệt ? Cái mẹo như vậy: Cái bộ bài, mình làm bộ là bài mới, mới lật bao trước mặt người ta, chớ kỳ thiệt mình đã sắp sẵn, chỉ để ngoài mặt một con Hoàng tây đưa cho họ coi mà thôi, còn bao nhiêu con khác đều là ách Rô hết, thì khi họ lựa một con, phải gặp ách Rô. Và khi đưa bộ bài ra phải có ý, cho

họ coi một con ngoài mặt mà thôi, rồi úp sấp lại mà sè ra như hình cái quạt, cho họ lựa con nào đó họ lựa. Đây là cách xòè bài cho khán giả lựa lấy một lá.



Đây là cách xòè bài để

khán giả lựa lấy một lá

Trò thứ nhì TAM DÂN CHỦ NGHĨA

Trò này có thể kêu là đại quý thuật, cho nên cần phải diễn nó ra trên diễn đàn hẵn hoi, chứ không như trò thứ nhứt, gặp chỗ nào cũng có thể diễn. Mà khi diễn ra, chắc sẽ được xã hội hoan nghinh lắm, vì xưa nay chưa hề có trò nào giống như vậy, và chính tôi đã nghiên cứu ra,

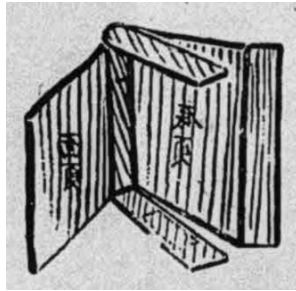
mà cũng chưa hề diễn qua lần nào.

Cách diễn trò. – Khi mở màn ra, trên sân khấu để sẵn một cuốn sách theo kiểu tây bằng gỗ mà để đứng, trên mặt bìa có đề chữ Tam-dân chủ nghĩa.

Người đứng diễn cùng người phụ bước ra sân khấu đưa cuốn sách ra cho khán giả coi đủ phía trước, phía sau, trên dưới và hai bên, tỏ ra rằng trong đó không có máy móc gì cả. Rồi lại mở hai tờ bìa trước và sau ra, ở trong cũng không có gì hết, rồi xếp lại.



Cuốn sách bằng gỗ lúc xếp lại



Cuốn sách lúc mở ra

Đoạn, người đứng diễn cầm súng bắn vào cuốn sách một phát, thì tự nhiên hai cái bìa mở ra, trong có đứng một cô thiếu nữ, mặc áo mùa rất đẹp, và trên áo có hai chữ “dân tộc”.

Cô thiếu nữ bước ra, đừng nép lại một bên. Người đứng diễn bèn xấp hai bìa sách lại, tức là đóng lại, rồi cầm súng bắn lần nữa, sách lại mở ra. lại có một cô thiếu nữ nữa ở trong, mặc áo đẹp và trên áo có hai chữ “dân quyền”. Cứ như vậy mà làm một lần thứ ba nữa, lại thấy một cô thiếu nữ nữa, mặc áo có chữ “dân

sanh”. Khi ấy người đứng diễn cầm roi ra hiệu, ba cô thiếu nữ sắp hàng ra múa hát chung quanh cuốn sách ấy, đoạn thì hạ màn.

Cắt nghĩa tại làm sao. – Cái cuốn sách để đứng trên diễn đàn ấy, dưới đáy nó có một cái cửa mở được, và thông với dưới sân khấu. Ba cô thiếu nữ tức là do cửa ấy mà vào trong sách. Cách diễn trò theo như trên đó mà làm thì thành công. Duy có điều nên chú ý là : cần phải có một ngọn đèn diễn treo dưới sân khấu mà cái máy bấm của nó thì ở trên. Khi người đứng diễn đóng sách lại rồi, người phụ phải lấy chun dậm lên cái máy bấm chỗ mình đứng, hầu cho đèn diễn ở dưới đỏ lên, cô thiếu nữ mới biết chùng mà trèo lên và vào trong sách. Còn như không có đèn diễn thì dùng đỡ cái chuông mà ra hiệu cũng được. Lại phải có ý, khi nào

cho khán giả coi các bề của cuốn sách, chớ làm cho cái vị trí của cuốn sách sai đi, cái cửa lệch với cái lỗ thông xuống dưới diễn đàn.



Hình thiếu nữ vào trong sách



Cách trang sức thiếu nữ

MỘT ÍT THẦN THOẠI

Đối với những hiện tượng trong không gian, những vật tự nhiên trong trời đất, những nghề nghiệp loài người vẫn làm mà không rõ khởi từ đâu, người đời xưa có tìm tòi cho biết đến chỗ sở dĩ, thành ra mới đặt nên những chuyện kỳ dị để giải thích : những chuyện ấy kêu bằng “thần thoại” (Mythe).

Như người Việt Nam ta đời thượng cổ, ở miền Bắc kỳ bây giờ, thấy mỗi năm đến đầu mùa thu thì có mưa to gió lớn, sông nước Nhị hà tràn lên thành ra lụt,

mà chẳng biết tại sao, nên mới đặt ra chuyện Sơn tinh Thủy tinh. Vây chuyện Sơn tinh Thủy tinh tức là một thần thoại của Việt Nam đời trước để cắt nghĩa sự bão lụt trong miền mình vậy.

Ngày nay chúng ta theo khoa học mà cắt nghĩa các hiện tượng trong trời đất. Như ở Bắc kỳ, đầu mùa thu thường có bão lụt, là tại đến mùa ấy, sự thay đổi của không khí miền ấy mạnh quá mà sanh ra. Nhưng người đời xưa lại nói khác, nói tại Sơn tinh với Thủy tinh giành cười một người con gái, và bên giành không được tức giận, nên mới “năm năm báo oán, đời đời đánh ghen” mà có sự bão lụt này.

Những thần thoại ấy dân tộc nào cũng có hết. Mà có nhiều dân tộc khác, thần thoại của họ lại phong phú và mỹ lệ hơn thần thoại của dân tộc ta đây nữa.

Vậy, trong bài này, chúng tôi lượm lặt một ít thần thoại của các nước để cống hiến cho độc giả, vì nó đủ vui tai mà lại có ích cho sự kiến văn lẫn.

1. Loài nhện sanh bởi đâu và tại sao nó biết dệt lưới.

Theo thần thoại Hy-lạp, thì loài nhện là con cháu của một nàng thiếu nữ, tên là Arachne, và gốc tích như vậy:

Hy-lạp đời xưa có một vị nữ thần là Athéné. Vì nữ thần này là thần của sự trí tuệ, cũng là thần của các nghề khéo, như nghề thêu nghề dệt. Nữ thần cũng lại ưa tranh đấu nữa, có đều tranh đấu mà không đến nổi lưu huyết.

Đời xưa ở Hy-lạp cũng có một người con gái, tên là Arachne. Nàng này chẳng những đẹp dễ mà cũng thông minh giỏi

giẩn lảm. Nàng chỉ ưa có một việc, là dệt mà thôi. Nàng dệt luôn cả ngày không nhàm ; nhờ đó, về sau nghề dệt của nàng khéo lắm, chẳng những con gái dưới trần không ai sánh lại, mà cho đến các nàng tiên trên trời cũng phải thua.

Thứ hàng của nàng dệt ra, đẹp để làm sao ! Không phải như những hàng thường, dùng gai, tơ, hoặc lông dê mà dệt ra ; nhưng hàng của nàng như là dùng ánh sáng mặt trời làm canh, dùng những sợi vàng làm chỉ mà dệt ra vậy.

Có người thấy nàng khéo như vậy, bèn khen tặng nàng hết sức và hỏi nàng rằng :

– Cái khéo của cô đó là ai dạy cho cô? Hay là nữ thần Athéné đã dạy cho cô?

Arachne trả lời rằng :

– Có phải Athéné là thần trí tuệ không ? Hứ, bà ấy làm gì lại dạy cho tôi được? Không tin, kêu bà đến đây thi với tôi, coi ai khéo hơn. Bằng tôi thua bà thì tôi sẽ chịu phạt !

Nữ thần Athéné nghe lọt câu nói kiêu ngạo của nàng, lấy làm không bằng lòng. Nữ thần hóa ra một cụ già, đến nói với Arachne rằng :

– Tôi rất mong cô nghe lời khuyên bảo của tôi. Cô có muốn thi tài với ai cũng được hết : duy với nữ thần thì cô chẳng nên thi tài làm chi. Tôi khuyên cô xin lỗi cùng Athéné đi, nữ thần sẽ tha thứ cho cô, không sao đâu.

Nhưng Arachne nghe nói thì giận lắm, đáp rằng :

– Mụ nói cái giọng mẹ người ta đó thì có đem về mà nói với con gái mụ ! Chớ tôi đây, có nữ thần nào tôi lại sợ? Bà có dạn gan thì tới đây, tôi thi với bà cho mà coi !

Athéné nói :

– Bà đến rồi!

Trong khi nói, liền hóa ra nguyên hình nữ thần. Đó rồi họ định chương trình cuộc thi. Mỗi người đều dặt ba ngày, mời các thần và người thế gian đến xem, còn đại thần Zeus chấm thi.

Đến ngày thi, hết thảy người trong thế giới đều tới coi, Zéus làm giám khảo, ngồi trên từng mây cao vọi vọi. Cái khung cử của Arachne để dưới cây dâu to, nắng ngồi dưới bóng cây mà dệt; còn củi khung cử của Athéné thì để giữa khoảng

không. nữ thần ngồi dệt trong nơi có gió dịu và ánh sáng êm ái của mặt trời.

Arachne dệt nên một tấm lưới tốt đẹp lạ thường, thật mỏng mà sáng có ngời, treo phất phời giữa trời, hình như là không có ; nhưng tấm lưới lại rất bền rất chắc, dầu sử tử mắc vào cũng không phá được để thoát ra.

Mọi người xem thấy đều nói :

– Hèn chi có ấy khoe tài cũng phải!

Cho đến thần Zeus liếc coi, cũng phải gật đầu khen ngợi.

Đang kia nữ thần Athéné lại dùng ánh sáng mặt trời trên chót núi, miếng mây trắng mùa hè, sắc xanh của khoảng không trên trời, sắc biếc ngoài đồng nội cùng màu đỏ tím của núi mùa thu mà dệt ra một tấm lưới khéo và đẹp hết chỗ nói.

Trong tấm lưới ấy lại đủ thứ bông hoa lạ, sông rộng, núi cao, thành lũy và tháp đồ sộ, loài người và loài thú, kẻ to lớn và kẻ lùn, lại cũng có cả các vị thần minh ở trên trời nữa. Mọi người xem tấm lưới ấy, hết sức trầm trồ khen ngợi, đến nỗi quên mất tấm lưới của Arachne !

Arachne thấy mình bị thua, vừa mắc cỡ, vừa sợ, bèn tự ải mà chết. Nữ thần Athéné lấy làm tội nghiệp, bèn cho nàng hóa ra con nhện, cả đời chỉ ẩn vào trong xó tối mà dệt lưới. Cho đến ngày nay, con cháu, nó cũng vẫn giữ một nghề dệt ấy.

Trong tiếng Pháp, phàm giống vật, hình trang nó giống với con nhện, đều gọi là “Arachnides” hết, ấy là bởi chữ “Arachne” mà ra.

✱

2. Gốc tích của tiếng dội hay là tiếng vang

Cũng theo thần thoại Hy-lạp, xưa có một nữ thần, thường ở trong rừng trong núi, tên là “Echo”. Nàng nữ thần này đã đẹp lại giòn, thật là một cô gái dễ thương. Duy có tật hay thèo lẻo, bất kỳ ai nói chuyện gì, nàng cũng đặt miệng vào. Lời cuối cùng của mỗi câu nói, người ta đều chỉ nghe tiếng nàng mà thôi. Cho đến tiếng của các vật, như tiếng chuông, tiếng trống, hễ là tiếng, thì nàng đều nhái theo. Cái tật đó, theo trong sách thì là số mạng nàng phải mang lấy vậy.

Ngày kia, bà Jove, hoàng hậu trên trời, đi du ngoạn, có các nàng tiên theo hầu. Echo biết được, chạy theo, lẫn trong đám các nàng tiên ấy mà trở nghề thèo

lẻo, làm cho họ nghe sa mà đi đường bê trễ, không theo kịp hoàng hậu Jove. Hoàng hậu rõ thấu sự tình, bèn quở trách nữ thần Echo như vậy :

– Mấy rõ thật to gan, dám đem nghề mọn mà dễ người đến hoàng hậu trên trời ! Rày về sau cai đốc lưỡi của mày sẽ mất sức đi, chỉ còn có cái chót lưỡi để làm cái việc mày ưa làm – tức là nhái ! Rày về sau mày sẽ chỉ phải nói theo lời cuối cùng của người ta, mà không được mở miệng nói trước ai !

Từ ngày Echo bị mấy lời quở phạt nguyên rủa ấy, liền trở nên một kẻ chỉ biết nói theo.

Sau đó, nàng ở trong rừng, thấy một chàng thanh niên tên là Narcissus đương đi săn, thì phải lòng ngay và đi theo miết chàng ấy. Nàng muốn òn ỷ cùng chàng

lắm, ngại vì cái đốc lưỡi đã ra vô dụng rồi : nên cử đi theo hoài, chờ cho chàng mở miệng đặng nàng có lập theo. Vậy mà chàng thanh niên cứ một mực miễn cưỡng, làm cho nàng hết sức ngã lòng !

May sao có dịp tốt : hôm đó, Narcissus cùng đồng bạn mình lạc nhau, bèn kêu lớn lên rằng:

– Ai ở đằng này?

Echo liền đáp rằng :

– Đằng này.

Chàng thanh niên ngó quanh ngó quất, không thấy ai hết, bèn kêu tiếp :

– Lại đây !

Echo cũng lặp theo :

– Lại đây !

Sau khi nghe tiếng trả lời mà không thấy ai lại hết, Narcissus lại nói :

– Sao lại lánh mặt tôi?

Echo cũng lập y cả câu ấy. Chàng thanh niên nổi nóng không chịu được, hét lớn lên rằng:

– Lại đây, chúng ta ở chung với nhau một chỗ mà !

Nữ thần nghe đến câu đó thì mừng lắm, vội vàng lập lại lời ấy một bận và chạy a lại một bên chàng thanh niên.

Nàng đưa cánh tay trắng nõn ra, định choàng qua cổ thanh niên để tỏ tình thân ái; không ngờ Narcissus di thụt lùi mấy bước, nói một cách ngạo lạnh mà rằng :

– Thôi đi, đừng có mó tay mó chân làm chi nữa, thà tôi chết, chớ tôi chẳng chịu ai ghẹo tôi !

– Gheo tôi !

Echo cũng còn nói lặp theo hai tiếng chót ấy, nhưng không ăn thua gì, Narcissus sắp lúng chạy đâu xa lắc rồi.

Echo từ chịu một phen sỉ nhục ấy, buồn rầu hết chỗ nói, ở miết trong rừng, không hề ra nữa. Vì một mình vắng vẻ ở trong non cao đá dựng, nghĩ đến số phận vừa rầu vừa tủi, nên vóc ngọc của nàng càng ngày càng ốm o mà hóa ra đá, dày dạn với phong sương. Kịp đến về sau, hình và bóng cũng tiêu mất đi, chỉ còn có cái tiếng ẻo lả, và thói quen không thể chừa, hễ có ai kêu lên, tức thì nàng đáp lại, nhút là mấy tiếng chót của câu nói người ta, thế nào nàng cũng nhái. Trong tiếng Pháp, chữ “Echo”, nghĩa là “tiếng vang” hoặc “tiếng dội”, là gốc ở tích này.

✱

3. Gốc tích con tằm

Theo thần thoại Trung Hoa, đời thượng cổ, có người đàn ông đi xa, ở nhà không có ai hết, chỉ có một đứa con gái, và một con ngựa đực, giao cho nàng nuôi nó. Nàng ở nhà một mình vắng vẻ, nhớ cha không thôi, bèn nói giỡn cùng con ngựa rằng:

– Mày có thể đi tìm cha tao được, tao sẽ làm vợ mày.

Con ngựa nghe nói, liền bứt dây mà đi, thẳng tới chỗ người đàn ông ở. Người này thấy con ngựa mình thì mừng lắm, bèn nhảy lên cỡi.

Khi người cha ngồi trên lưng ngựa, thấy nó cứ ngóng cổ về phía quê hương mà hí hoài, bèn nghĩ rằng : “Con ngựa

khi không mà làm như vậy, có lẽ là nhà ta có việc gì chẳng ?” Rồi cỡi luôn nó mà đi về.

Về đến nhà, thấy con ngựa khôn và mển chủ như vậy thì càng thương nó làm, cho ăn thêm hậu hơn bình thường. Nhưng con ngựa bỏ cỏ luôn mấy ngày : mà hễ khi thấy người con gái ra vào, thì nó vừa hí vừa lồng lên. Như vậy nhiều lần không phải một lần.

Người cha lấy làm lạ, bèn hỏi kín con gái mình: nàng thừa thiệt sự mình có hứa cùng con ngựa, và chắc rằng nó bỏ ăn vì có ấy. Người cha bảo nàng thôi đừng nói đến nữa, mà cũng đừng ra vào cho nó thấy làm chi, e gây ra trong gia đình một việc sỉ nhục lớn. Đoạn người dùng ná bắn chết con ngựa, và lột da nó mà phơi nơi sân.

Một hôm, người cha đi khỏi, đứa con gái cùng bạn gái nó ở hàng xóm đương đứng chơi ngoài sân, chỗ phơi tấm da. Chẳng lành chớ, nó lấy chun hất tấm da mà nói rằng :

– Mày là loài súc sanh, trở muốn lấy người ta làm vợ ư? Bị lột da là đáng kiếp lắm mà !

Nói chưa dứt lời, thì tấm da vùng dậy, cuốn lấy người con gái mà đi mất.

Đứa gái hàng xóm sợ quá, không dám cứu, chạy mét với người cha. Người này về kiểm tấm da cùng con gái mình, thì đã đi đâu mất rồi. Sau đó vài ngày, tìm được ở trên nhánh cây lớn ở gần đó, thì tấm da ngựa và người con gái đều đã hóa ra con tằm mà làm kén trên cây. Từ đó người ta đem con tằm về nuôi và lấy kén ươm tơ, được bội lợi lắm : còn thứ

cây nó ở đó thì đặt tên là “cây dâu”.

Tích này chép trong sách Sưu thần ký của Vu Bửu, người nhà Tấn : cho đến ngày này người tỉnh Tứ Xuyên bên Tàu cũng còn kêu con tằm là “mã đầu nương”, nghĩa là “nàng đầu ngựa”, chắc là có quan hệ với tích ấy.

*

4. Vì sao con trâu dưới hầu có hạch.

Con trâu nào cũng vậy, ta thử bọ cái mỏ nó lên mà coi dưới hầu nó, con nào cũng có một cái hạch ở đó hết. Kêu bằng cái hạch, nghĩa là chờ đó da liền mà có cục u nổi lên.

Tại sao có cái hạch đó, người đời xưa cũng đã kiếm cách mà cắt nghĩa. Đây là

theo như lời truyền thuyết ở xứ ta, chó không theo sách thần thoại nước nào hết. Những sự tích để cắt nghĩa về con nhện, con tằm như trên đó mà gọi là thần thoại được, thì sự tích cắt nghĩa về con trâu của xứ ta cũng có thể gọi là thần thoại được.

Tương truyền rằng đời xưa mọi loài vật đều biết nói, và con trâu cũng biết nói. Con trâu hết nói được, là từ khi có cái hạch đó.

Có chủ nhà kia, ở đời thượng cổ, nuôi một con trâu để cày và một đứa trẻ chăn trâu. Mà thằng chăn trâu này ham chơi lắm, không chịu làm hết phận sự nó. Mỗi khi nó cỡi trâu ra đồng, thả trâu đó, ăn được chừng nào thì ăn, còn nó lo việc chơi bời cùng chúng bạn. Kịp khi gần tới buổi cỡi về, nó lấy mo cau bọc lấy bụng con trâu, rồi trét đất sét ra ngoài,

cứ bọc như vậy mà cởi về, phỉnh chủ nó, nói cho trâu ăn đã no rồi.

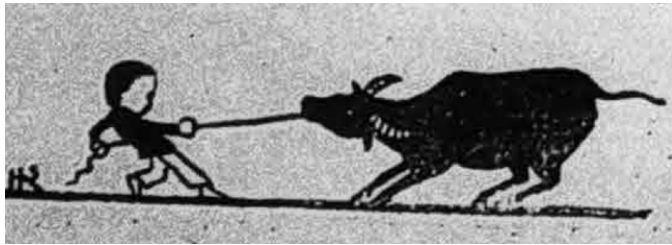
Một hôm, người chủ không tin mới hỏi con trâu. Con trâu nói rằng:

– Cởi trâu ra đánh khăng đánh đáo; cởi trâu về nói láo trâu no ! No chi mà gọi rằng no? Trong da mo, ngoài đất sét, ỉa cái phết hết no !

Sự dối giá của thằng nhỏ đã bị phát giác ra rồi, người chủ bèn đánh đuổi nó. Nó ra khỏi nhà chủ tức thì, và vừa đi vừa khóc rất tội nghiệp.

Vừa khi đó, nó gặp một ông Tiên. Ông Tiên hỏi việc gì mà khóc, nó thuật hết đầu đuôi cho ông nghe. Ông Tiên hứa để ông báo thù cho, bèn dẫn đứa nhỏ đi, háa phép tàng hình vào chuồng trâu của người chủ Ông Tiên cầm cây hươngthur dưới hầu con trâu, rồi điểm đó một

cái, liền nổi lên cái hạch, từ đó con trâu không nói được nữa, và cả loài trâu sanh ra đều không biết nói.



Câu chuyện trên đây không biết khởi ra từ đâu, mà trong các miền nhà quê, nhứt là nơi ruộng rẫy, người ta hay kể tới. Có cái mo cau là thổ sản của xứ ta để làm chứng thì biết câu chuyện này cũng là thổ sản của xứ ta, chớ không phải từ nước ngoài truyền vào. Huống chi lại có mấy câu “văn vần” của con trâu bằng tiếng Annam đặt nữa, thì thật không lộn với của nước nào được.

HUYỀN VÂN

THI ĐÀN THƠ XUÂN MỚI

ĂN TẾT

Người ta ăn tết tốn bao nhiêu,

Mình chẳng hao gì một tèo teo.

Nhà ở, ma đâu mà đốt pháo¹ ?

Đất nào quỷ loạn phải trồng nêu²?

Bánh chưng chẳng gói : gà³ ! khôn
nuốt,

Mứt lạc không mua : ngọt ! Khó tiêu.

1 Tục dị đoan ở xứ ta : ngày tết đốt pháo là để xua đuổi ma khỏi khuấy rối nhà; trồng nêu là để giữ đất cho quỷ khỏi chiếm đoạt.

2 như 1

3 Gày là béo quá, vì bánh chưng bọc mỡ ở trong.

Dốt nát, viết sao câu đối dán ?

Thật là tết nhứt cái con hươu !

✱

Tết nhứt năm nay sắm đủ đồ.

Anh em đừng có tưởng rằng “bô”.

Sâm-banh nước lã đầy dăm hũ,

Thuốc lá râu ngô⁴ chạt mấy bồ.

Thay bánh chưng xanh cùng mứt lạc,

Có cơm gạo đỏ trộn khoai khô.

Anh em ai đến, ứng nghe pháo,

Thùng thiếc lôi ra đập ít vồ.

Ng. Văn Đình

4 Râu trái bắp.

XEM VƯỜN XUÂN HỮU CẨM

Đôi áo vườn xưa đã khác xa :

Đồng tàn, cây cỏ này xuân ra.

Hoa say bướm liệng giành nâng đỡ !

Cội mướt chim chuyền tập hát ca.

Hương sắc vi khuây hồn cựu chủ,

Phấn son còn đại xác phiến ba.

Mỗi năm cảnh vật đều thêm mới,

Người thấy xuân sang lại thấy già.

TÂN NIÊN NGÃU CẢM (1926)

Tối ba mươi Tết vẫn nằm queo.

Pháo giục bên tai nghỉ lộn mè.

Sau cúng, rượu tàn say ngất ngưỡng.

Nghỉ buồn, thuốc ỉa hút phì phèo.

Nhớ thoi tuế nguyệt lòng ngao ngán:

Giở sử thân danh ruột héo xèo.

Hỏi khách bao xa đường tấn bộ,

Để qua năm mới chạy ù theo.

CHIỀU BA MƯƠI TẾT Ở QUÁN KHÁCH (1929)

Văng vẳng tai nghe pháo góc hè,
Xuân đà đến đó rúa răng he ?
Rảnh chun lữ quán nằm co nghỉ,
Đợi sáng xuân về nói chuyện nghe.

Thử Khanh

NHỚ XUÂN

Nhớ lại khi xưa còn ở Bắc,
Mỗi năm xuân tới đẹp đường bao !
Ngoài vườn hoa cỏ màu tươi thắm,
Ríu rít trên cành oanh đón chào.

Đầy trời tô điểm vẻ xuân quang,
Nét bút hoa thần khéo điểm trang :
Vàng trắng đỏ xanh màu quốc sắc,
Non sông đầm ấm cảnh mơ màng.
Xuân sắc điểm tô khoe vẻ lịch.

Xuân phong phơ phất trước trang
đài.

Xuân hồn giấc mộng say vừa tỉnh,
Xuân cảnh từng bừng đón rước ai.
Đứng lại nhìn xem cảnh tốt tươi.

Đầy trời xuân khí có riêng ai ?

Câu thơ ngâm vịnh đầy xuân tứ !

Chín chục thiếu quang giá mấy
mươi!

Từ thuở vào Nam năm sáu bảy,
Mỗi lần xuân đến nhớ xuân sao!
Nhìn xuân mỗi mắt tìm hoa cỏ.
Xuân chủ ai hay ở chốn nào ?
Lá rụng đây sân lác đác vàng.
Trời xuân như kém vẻ xuân quang.
Cây trơ cành cỗi hoa phai thắm !
Riêng trách đông quân khéo phủ
phàng:
Nghe nói trời Nam nhiều của quý.
Trời thương trời nhận con cưng trời.
Trời cho no đủ ăn ngày tháng,
Chỉ có xuân trời quên cho thôi !
Tìm xuân mà chẳng thấy xuân đâu.

Nhấn nhủ xuân hoàng thử mấy câu.

Mỗi độ xuân về xin tạc dạ.

Nước non tình nặng chớ quên nhau

XUÂN CẢM

Mừng xuân đề mấy câu thơ,

Chúc xuân non nước nắng mưa dồi dào.

Vui xuân nâng chén rượu đào,

Tình xuân men chàng nhấp vào cũng say.

Yêu xuân nặng tấm lòng này.

Sầu xuân vương vít mấy giây tơ đồng.

Sông xuân lượn sóng trùng trùng,

Hoa xuân điểm lục tô hồng vì ai ?

Ngày xuân, xuân hầy còn dài,

Lòng xuân ướm hỏi, ai người tương
tri?

Cảm xuân một tấm tình si,

Thương xuân luống những nặng vì
nước non.

Gió xuân lay động tâm hồn,

Giấc xuân chợt tỉnh lòng còn ngẩn
ngơ.

Nước xuân vẫn ở ao xưa.

Non xuân hoa cỏ bây giờ vẫn tươi.

Sắc xuân hơn hở đầy trời !

Chìm xuân riu rít gọi người tri âm.

Đêm xuân dạo khúc ca cầm.

Vì xuân hỏi thử yêu xuân mấy người?
Vui xuân vui cả một trời,
Sầu xuân riêng để cho người cảm
xuân !

NGẮM XUÂN

Ngắm xuân lại tiếc cho xuân.
Trăm năm hồ dễ mấy lần xuân qua.
Vẻ hồng lạt, cánh hồng sa,
Xuân về xuân có đợi chờ ai đâu !

✱

Ngâm xuân nghĩ lại thêm buồn.
Xuân về xuân tới xuân càng tốt tươi.

Kiếp xuân so với kiếp người.

Áo cơm nặng nợ cùng đời xuân xanh!

*

Ngắm xuân càng nghĩ càng sầu.

Sự đời chẳng đánh mà đau mà phiền.

Thời xuân bỏ chẳng đua chen,

Hoa tàn xuân tạ, bạc tiền khó mua !

*

Ngắm xuân lại tủi cho đời.

Phải sanh ra kiếp anh tài như ai !

Bụi hồng chi quản công gai.

Vẫy vùng biển rộng sông dài với
xuân !

Mme Vân Đài

THƠ XUÂN CŨ

TẾT

Tết nhứt anh ni, ai bảo nghèo ?

Nghèo mà lịch sự đổ ai theo!

Bánh chưng gói chặt chùng ba chiếc.

Rượu cúc ngâm đầy độ nửa siêu.

Trừ tịch vang lừng đôi tiếng pháo !

Nguyên tiêu cao ngất một cây nêu.

Ai xuân anh cũng chơi xuân với.

Chung đỉnh ơn vua ngày tháng
nhiều.

Nguyễn Công Trứ

ĐẦU NĂM KHAI BÚT

Năm mới mấy tuổi biết chi chưa ?
Ngắm nghĩa mày râu cũng đã vừa.
Chén rượu nhớ hoài người lớp trước.
Cung đèn quên phút ngón ngày xưa.
Mẹ già tám kỷ trông khuya sớm !
Vua trẻ nhiều phen gọi móc mưa.
Muôn dặm quan san xa đám cách !
Cụm từng khóm trúc hay còn lúa.
Đào Tấn (Bình Định)

XUÂN NHỰT TỰ THUẬT

Tuổi mới đồn thêm quá nửa trăm.
Râu xanh xen trắng tóc huê râu.

Sáu triều gọi đức nhiều mưa móc;
Hai phẩm nhờ trời chút tiếng tăm.
Sao bữu lập lòe trong bữa sóc.
Trăng thanh tỏ rạng giữa đêm rằm.
Nghĩ còn non nước, còn xuân mãi,
Lần bước thang mây biết mấy năm !
Mộng Phật : Tôn Thất Diễm (Huế)

CẢNH TẾT NHÀ NGHÈO Ở TRÊN NÚI

Nụ cười thay xóm núi,
Ngày tết chẳng lên nêu !
Đây vách chùn hùm vầu !
Vang rừng tiếng cú kêu.

Cơm báp chan canh ốc :

Dầu chuồng thắp đĩa nghêu.

Bè bạn không lui tới,

Ngoài sân cỏ lần rêu !

Vô Danh Thị

NGHÈO GẶP TẾT

Tam kiếp cha ông cái vận nghèo !

Đã đi trốn nó nó còn theo.

Vài ba hột cải không thêm mọc:

Trồng một giây bầu chẳng thấy leo.

Bài xạo, bác bồng lên cả cặp.

Me-tam, chú khách giở ra yêu.

Như vậy nghĩ đã thiệt vô vận !

Tết nhứt gần đây hết ngỏ tiêu.

Nguyễn Quí Lương

(Bình Định)

*

LO TẾT

Tết nhứt năm nay cũng phải lo :

Cũng gà cũng vịt cũng heo bò.

Bánh chưng, bánh tét, chè đường hạ!

Tôm đất, tôm rằn, gỏi cá thu.

Rượu bọt đặt thêm năm bảy hũ !

Mắm ngon mua để một vài lu.

Tính toan, kết cuộc tiền không có !

Vay mượn e khi chúng chẳng cho.

Vô Danh Thị

NGÀY XUÂN

Mừng Phụ Nữ Tân Văn

(Điệu vòng cổ Bắcliêu)

Kè từ ngày hàng Việt Nam phụ nữ,

Mượn cái tên chung là “Phụ nữ Tân văn”.

Theo mảy râu, bước ngôn luận, giới
lên đàn,

Tuy tử, sanh, kinh, cụ, làm nao đã
mấy lần...!

Nhưng lo vẫn lo, mà nay xuân đến
thời lại cứ vui mắng,

Mắng vì son phấn với non sông cùng
thêm đậm nét vẻ vang.

Bỏ những hồi vì tục xưa khuê môn
bất xuất,

Nơi chốn gia đình trong khuôn tòng
đức, mảng một đời phải chịu vùi thân :

Mà cùng nhau bươn ra quyết đua
chen ngoài xã hội,

Đem tinh thần phấn đấu cho tấn bộ
kịp với cái đời duy tân : Kéo đây rồi cái
luật chung thiên nhiên đào thải nó lại cứ
xây vắn,

Yêu ấy thua, mạnh ấy được, tránh
đâu cho khỏi cái định phần ?

Suốt ba kỳ gấm vóc, giải giang san.

Giống tiên rồng, lập quốc hơn bốn
ngàn xuân,

Kịp đến ngày nay, kia trên chốn văn
đàn,

Lần đầu mới thấy bọn má hồng là
được mở mang !

Nay xuân về đến, thiết biết bao nhiêu
vui mừng,

Xa đưa mấy lời chúc cho Phụ nữ Tân
văn:

Trời đã trưa gánh đã nặng, đưa chơn
rán bước cho cần,

Hầu sao cho khỏi phụ cái công dẫn
đường với bạn yếm khăn,

Hỡi Phụ nữ Tân văn!!!

Mile Mộng Huỳnh

HAI BÀI VĂN TẾ TUYỆT HAY

Văn tế là một thể văn Nôm từ trước thường dùng trong nước ta. Đến nay còn truyền lại, như bài văn tế tướng sĩ của quan tiền quân Nguyễn Văn Thành, nhiều người đã nhận cho là độc bộ trên văn đàn.

Tuy vậy, văn hay mỗi bài có một thể. Như bài tế tướng sĩ đó là hay về lối đứng đắn, trang nhã; hợp với cái thể thống chốn triều đình. Còn cái hay của dân gian thảo giả nữa. Hoặc lấy bông đùa làm hay, hoặc lấy đối chọi làm hay.

Như hai bài văn tế sao lục ở sau đây, không biết của ai làm, chỉ biết rằng truyền tụng đã lâu lắm, mà từ hồi có những sách lượm lật văn xưa, in ra bằng Quốc ngữ đến nay, chưa thấy ai lượm lật đến. Hai bài văn kiệt tác này thuở nay chưa hề xuất bản, ít người biết đến, ấy cũng vì đó mà nó càng thêm quý.

Một bài đề là “Mụ Quỳnh tế lão Cường”, ấy là văn khôi hài, theo lối “ngỉ tác”, giả đồ làm lời vợ tế chồng, chớ không phải có tế thiệt. Mà bởi có cái đề đã nói “Mụ Quỳnh tế lão Cường”, – quỳnh cường, ý cũng như bông lông – cho nên trong bài câu nào cũng tỏ ra cái ý quỳnh cường và bông lông. Đọc đến, đồ ai nghe mà khỏi bật cười. Tuy vậy, bỏ nhiều vận hiểm mà đối nhiều câu chỉnh, có lực lượng lắm.

Một bài nữa đề là “Vợ tế chồng thợ

rèn”, thì chẳng biết là có tế thiệt chẳng, hay cũng lại theo thể “nghĩ tác” như bài trên. Bài này thôi thì đối cân từng chữ, mà nhứt là chọi từng chữ, đọc hết cả bài, không câu nào là không có chữ dính dấp với thợ rèn. Mà cũng tả được cái tình cảnh náo nùng của người vợ góa, chớ không đến nỗi phiếm.

Bài sau này có nhiều người nói của ông Lang Rường, người Quảng-Nam, ở làng Đức Ký, là một tay giỏi văn Nôm ở vào đời Minh Mạng, Thiệu Trị. Sự ấy thì chưa chắc, chớ một điều rất chắc, là tác giả thể nào cũng là người Quảng Nam. Vì có hai lẽ : một là bài văn này có nhiều người Quảng Nam truyền tụng mà người tỉnh khác hầu như không biết tới ; hai là coi những tiếng phát âm sai trong bài thì nhìn ra được là tiếng Quảng vậy.

Cái chứng cứ phát âm sai là như : Vật

thuộc về loài kim là gang, sắt chứ không phải gan, sắc. Vậy mà tác giả dùng chữ ra gan đối với câu sắc để chơi với việc thợ rèn, thì thật là sai xa. Bởi vậy, trong bài này có đôi câu, người Quảng hay là người Nam kỳ đọc đến, phải cho là hay, nhưng nếu người Bắc đọc thì họ sẽ không hiểu cái hay ở đâu, vì họ phát âm trùng.

Một chút đó, chúng ta thấy sự phát âm thống nhất là có quan hệ cho văn chương chúng ta sau này lắm, chớ nên cầu thả.

Dưới đây sao lục nguyên văn hai bài:

1. Văn mục Quýnh tế lão Cường.

Hỡi ôi ! Rắn hãy thay da, cóc còn đổi lột.

Gia sự nhiều bề khốn khổ, sống làm chi mấy đứa vất vơ ! Tử sanh cái số làm

sao, chết đi những con người đại đột ?

Nhớ linh xưa : răng trắng như mun,
da đen tợ bột.

Tử tế hơn ai hết thầy, chẳng ăn tham
mà cũng chẳng để dành. Học hành tuy
chẳng bao nhiêu, không hay chữ mà
cũng không ra dốt.

Tiết hạ thiên nóng nảy bề dưỡng
sanh đậu hủ xoa xoa. Ngày xuân nhứt
quả đơm, trong lễ vật da tày đột đột.

Giận vợ biết bao khảng khái, đập cửa
vân đùng đùng. Dạy con thiếu mấy ng-
hĩa phương, quất roi mây trót trót.

Gặp đặng nớ kể từ năm ngo, năm
thì cực, năm thì sướng, sắp về sau: muỗi,
thân, đậu, tuất, hợi, tý, Sửu, dần, meo,
thìn. Lấy toán tàu mà tính số con, đưa
thì bé, đứa thì chơi, nơi cho phải : mười,

chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một.

Bệnh hoạn làm sao chẳng biết ngày cũng rên, đêm cũng rên. Thuốc thang kể đã nhiều thầy, phải, cứ hốt, không, cứ hốt.

Mới hồi hôm còn sống, nước da lạnh tợ đồng đen. Nghe chết trẻ khoẻ ma, bụng muốn nóng như lửa đốt.

Tủi là tủi : không nói, không rằng, không đi, không đứng, tro tro như khúc gỗ lăn tròn. Thương là thương : vừa khâm, vừa la, vừa néo, vừa dây, bó bó bỏ vô hòm mà nhốt.

Con mẹ đầu tang tóc chế, lớn bịt khăn, nhỏ bịt khăn. Cửa nhà vắng trước quạnh sau, vô đưng cột, ra đưng cột.

Tưởng chữ “Bách niên giai lão”, chén

rượu gọi là chút nghĩa, nhớ lời năm
ngoái năm xưa. Tính bề tam nhật thừa
hung. Linh xa gác đã có ngày, chưa biết
bữa mai bữa mốt.

Thương thay xin hưởng !

✱

2. Văn vợ tế chồng thợ rèn

Hỡi ôi ! Lò tạo xây vắn, thợ trời thay
đổi.

Lời **sắt đing** căn dặn côi trăm năm.
Kip tro bụi phanh phui người một lỗi.

Nhớ linh xưa : **mài** nét thiệt trơn,
rèn lòng chẳng đổi.

Ở chẳng làm **cay** làm ngạt, đắp đổi
ngày hai. Nói ra có **thép** có **gang**, xù xì

năm lối.

Mình nương dưới bệ, kẻ gươm dao theo cạy sức dồi mài. Tay dựng một lò, người cày cuốc thảy nhờ ơn rèn thối.

Cân sắc tài từ lúc, lời nói như rựa chém xuống đất, hẹn với đều già. Ra gan dạ con người, việc làm như lửa đổ trên đầu, chết không kịp trối !

Ôi ! Mẻ hết chỗ mài, gãy không thể nối.

Đành trao cáng năng cho ai ? Mà bỏ xác phàm bồng vội ?

Nghề rèn đập ai cặp kìm với bạn, gang vừa sôi mà sắt bồng tan liền ! Nghiệp trau dồi ai chỉ vẽ cho con, lửa mới bén mà than đành tắt hổi !

Thảm thiết bấy mấy đời tiện tặn, chịu

ăn hoài dao lụt, hơn chín mươi năm !
Nào nùng thay chút phận rủi ro, như tan
mất lưỡi cày, cực trăm ngàn nỗi !

Gan chẳng đập nhồi mà nát, thương
là thương tác xuân xanh đương bén tự
gươm trường. Sắc nào trau dũa cho
trơn, xót là xót mảnh phận bạc đành vùi
theo thép nguội.

Dao oan nghiệt khéo mài chi quá
bén, cắt đứt tóc tơ. Lửa biệt ly chưa nguội
lại hừng lên, đốt lông gan phổi.

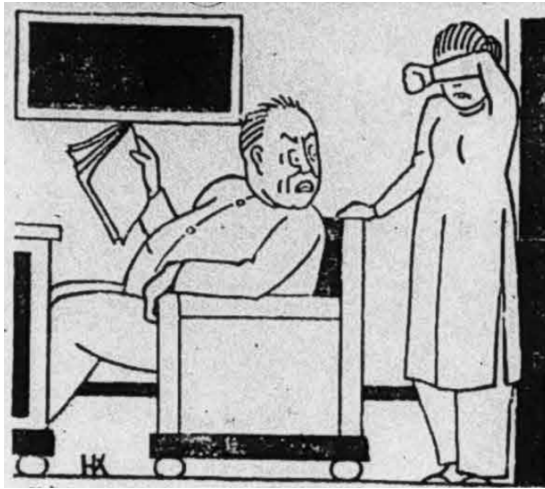
Thôi thôi: Khóa gãy, chìa rơi; búa tà,
đe dọa. Mới đó mà cang đành bỏ lưỡi,
phận lao đao chi xiết nỗi sầu riêng ! Từ
đây mà nén nợ xa khâu, bề cặp nải biết
bao giờ gặp mối !

Hôm nay hãy lò than un giấc đỏ,
ngọn lửa hương thêm nóng ruột trăm

chiều. Ngày mai vừa lát **cuối** đắp mồ
xanh, nắm đất cỏ đã chôn tình một khối!

Thương thay xin hưởng!

VUI CƯỜI



Chồng : Làm gì như con nít, để người ta coi rồi mình coi chớ khóc gì ?

Vợ : Đàn ông gì kỳ vậy ? Số mùa xuân người là mới mua mình giựt lấy coi, ai không tức? Mua riêng một số mà coi có được không ?

PHỤ NỮ TÂN VĂN

Journal des Femmes

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY
THỨ NĂM

Tòa soạn và ty Quản lý

(Rédaction et Administration)

48, Rue Vannier -:- Saigon -:- Tel.
566

Giá báo (Tarif d'abonnement)

Một năm (1 an) 6\$00 – Ba tháng (3
mois) 1\$80

Sáu tháng (6 mois) 3\$50 – Ngoại
quốc (1 an) 8\$00

Mua báo và đăng quảng cáo phải trả
tiền trước, gửi cho:

M . NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

Chủ nhiệm báo Phụ nữ Tân văn

48, Rue Vannier -:- SAIGON

CHUYỆN LẠ TRÊN RỪNG CON VƯỜN BIẾT ƠN

Cũng như ở dưới đồng bằng, thiên thị, trên non cao rừng rậm, có nhiều chuyện lạ, nghe vui mà cũng cảm động, tiếc vì ta ít có dịp gần gũi với loại thú cầm, nên ta không biết được, thật là uổng.

Bình sanh tôi có tánh tọc mạch, ham nghe chuyện lạ, nhứt là những chuyện có nhơn, nghĩa, ân, tình, khi nghe được có thể làm cho tôi vui, buồn, thương, cảm, nhớ và nghĩ không quên đặng.

Trong các chuyện lạ mà tôi đã được nghe, tôi cho cái chuyện tôi sắp đem ra mà thuật lại cho anh em chị em nghe trong mấy ngày Xuân này, là ngộ và hay, vì nó là chuyện thiệt, mà lại là chuyện ở trên rừng nước ta.

Ở bên cạnh một đám rừng, thuộc về quận Hớn Quản (Thủ dầu Một) có một cái nhà của người mình ở ; bên hè nhà ấy có một cây trôm, cao lớn, nhành là sum sê, trên cây lại có ba con vượn bạch ở đã lâu lắm.

Ba con vượn này, một con là chồng, một con là vợ, một con là con, vượn con vừa mới sanh ra được chừng mấy bữa.

Vượn cũng như khỉ, cũng có trí khôn, lâu nay ở bên cạnh nhà kia, thấy không ai ghẹo chọc, phá phách chi tới nó, nên nó cũng dạn người, nhút là đối

với anh chủ nhà, hình như bấy vườn này có lòng tin cậy và triu mến.

Nhiều khi rảnh việc, chiều chiều người nhà ấy hay ra gốc cây trôm, trứng giỡn với mấy con vườn. Họ vắt một vắt cơm, gắp vào đầu cây sào rồi đưa lên mời vườn: Con vườn đực thấy vậy lật đật bò riết xuống, nhưng hề liệu chừng nó với tới vắt cơm, thì mấy người kia lại hạ lần cây sào xuống, cố ý dụ cho nó bò lần xuống tới dưới gốc cây, đứng rình bắt nó chơi. Họ làm như vậy đến năm bảy lần, nhưng cũng không lần nào rờ tới cái đuôi nó được. Tuy vậy, trong lúc ấy nếu có anh chủ nhà ra, lấy vắt cơm ở đầu cây sào, cầm trong tay, kêu nó biểu xuống lấy ăn, thì nó tuột xuống mà lấy liền, không nghi nan sợ sệt gì cả.

Con vườn đực dạn đến nước ấy, là tại nó biết anh kia là chủ nhà, mấy lần

gặp ai ghẹo chọc nó, đều rầy la ngăn trở, và đối với nó rất là thật tình. Mà anh kia cũng thật tình tử tế với nó thiệt. Ảnh muốn bày tỏ cái lòng ảnh thương yêu tử tế với nó ra cho nó thấy, nó hiểu, đừng lợi dụng nó mà giải buồn ở nơi rừng xanh cảnh vắng, chẳng hơn là làm mất lòng nó, cho nó bỏ cây trôm ấy mà kéo đi nơi khác sao ?

✱

Trên kia tôi đã nói, cặp vợ này có một đứa con mới sanh ra có mấy bữa. Hồi trước, chưa có con, ngày nào hai vợ chồng cũng dắt nhau đi kiếm trái cây, đến chiều mới về lại cây trôm ấy mà ngủ, nhưng từ hôm vợ cái gần ngày “khai hoa” thì lại không đi nữa. Mỗi buổi sáng, vợ đực tách thân ra đi một mình, đến trưa thì về, mà lần nào về cũng có đem trái cây về cho vợ ăn, qua xế chiều thì lại

đi nữa, đến gần tối mới về.

Vườn đực chịu khó nuôi vợ như thế đâu được tuần lễ, thì kể vườn cái đẻ ra được một con vườn đực con, lông cũng ngà ngà như cha mẹ. Hai vợ chồng coi bộ mừng rỡ, kêu hú liên miện và chuyển tay nhau mà bỗng không biết mỗi.

Lúc bụng dạ ột-ệt, không lặn lội theo chồng mà kiếm ăn được phải ngồi miết trên cây mà chịu cho chồng nuôi đã đành, nhưng đến khi sanh sản xong rồi, phần còn non tháng non ngày, phần con còn yếu đuối, cũng không nách con mà theo chồng được nữa. Bấy giờ cái trách nhiệm của con vườn đực lại càng thêm nặng nhọc, vì phải kiếm miếng ăn cho mình, cho vợ, mà lại còn phải chọn lựa tìm kiếm cho được những trái cây thiệt chín, thiệt mềm, để cho con ăn khỏi đau miệng, khỏi mắc cổ. Biết vậy, nhưng hình

như vườn đực cũng vui lòng, vì bây giờ chẳng những là được vuốt ve vợ, mà lại còn được nựng nịu con nữa.

Anh chủ nhà kia là người hay lưu ý tới bấy vườn, ảnh rõ nỗi khổ tâm của người lân cận, bởi vậy buổi chiều nào ảnh cũng đem cho: khi trái chuối, khi vắt cơm, phòng khi nó thiếu hụt mà xót ruột: Vườn thấy vậy lại càng trù mến ảnh thêm, mà vườn trù mến ảnh chừng nào, ảnh lại càng thương yêu nó chừng nấy.

*

Một bữa kia, trời mưa dông lớn quá, bỗng nghe tiếng vườn kêu hú om sòm, anh chủ nhà nọ rất lấy làm khó chịu. Khi trời hết mưa, anh bèn ra sân dòm lên

cây trôm, thấy thiếu con vượn cha. Con vượn cái, bụng rách con, trèo lên tuột xuống, kêu hú om sòm, mà giọng kêu nghe ra buồn rầu tha thiết lắm. Có lần nó bò riết lên chót vót ngọn cây, dùng thẳng cẳng, đưa tay che mắt ngó mong vào đám rừng rậm mà hú, hú năm bảy tiếng rồi lại trở xuống, ngồi trên nhánh cây. cúi đầu ngó xuống người đứng dưới đất. Thấy cử chỉ và gương mặt buồn rầu của con vượn cái, anh kia đoán biết trưa bữa nay, trời mưa dông lớn. không biết sao chồng mụ nọ không về, nên mẹ con mụ thất tha thất thểu, trông đứng trông ngồi, mới chạy đi ngóng chừng và kêu hú như thế.

Luôn mấy bữa sau, cũng không thấy vượn đực về, anh kia nghi : lúc đi kiếm ăn, gặp con vượn cái nào khác, xinh tốt hơn vợ nhà đã có con, vượn đực bèn

đoạn nghĩa phu thê, dứt tình phụ tử, đi theo miết con vượn cái ấy ; hoặc giả trèo leo giữa rừng, đông mưa trơn trượt, rủi bị ắc-xi-đăng (accident: tai nạn) bỏ mình giữa chốn thâm sơn, làm mối cho thú dữ. Trong hai lẽ, cái lẽ sau này, anh kia lại tin chắc hơn, rồi cũng buồn bực thương tiếc lắm.

Hai ba ngày rày, vượn đực không về, vượn cái chỉ kêu hú, ngóng trông, chớ cũng không lìa cây trôm, bông con mà đi kiếm. Ấy là lại nó biết sức nó hãy còn yếu đuối, con nó hãy còn non ngày, không thể leo trèo, chạy nhảy được như lúc trước, chớ không phải nó không nóng lòng và không thương chồng đâu.

Từ bữa đầu đến nay, ngày hai buổi, anh chủ nhà nọ đều có đem cơm và trái cây ra cho mẹ con vượn ăn, không để thiếu hụt một bữa nào. Vậy mà mỗi

đêm, lâu lâu lại nghe tiếng kêu hú trên cây, kêu hoài hình như bỏ ngủ, làm cho anh nọ xốn xang lòng dạ, cứ chắt lưỡi thở ra hoài.

Hết ngày tới đêm, hết đêm tới ngày, lật bật mà đã gần một tháng. Đêm kia anh nọ không còn nghe tiếng kêu hú trên cây trôm nữa, sáng ngày ảnh bèn ra xem thử, thì té ra hai mẹ con nhà nọ đã dắt nhau đi đâu mất rồi.

Ảnh định bụng chắc lúc này mẹ con đã cứng cáp hết nên dắt nhau đi tìm chồng tìm cha, và có lẽ khi tìm được, chúng sẽ dắt nhau về ở trên cây trôm như cũ. Thôi, anh cũng van vái cho hai mẹ con vượn ra đi gặp được sự may mắn.

Mười bữa sau, đang lúc ăn cơm, thình lình lại nghe tiếng vượn hú trên cây trôm, cả nhà anh nọ lấy làm mừng

rõ, chắc vườn cái đã tìm được vườn đực đem về, nên ai nấy đều buông dĩa chạy ra coi cho biết. Đến nơi, vườn đực đâu không thấy, chỉ thấy vườn cái tay bông con tay cầm một chùm hoa gì không biết mà trắng như bông bưởi. Anh nọ cắc có hỏi :

– Sao ? Có tìm được “thằng” không ?

Vườn cái hú hí rồi tuột lần xuống, còn cách mặt đất lối bốn năm thước tây, bèn quăng chùm bông vào mình anh kia, hú hí đôi ba tiếng, rồi phăng phăng trở lên, chuyền cây này qua cây kia mà đi mất. .. Từ ấy đến nay, mẹ con vườn không biết sống thác, không còn thấy trở lại cây trôm nữa!

Cái chùm hoa vườn lạng anh kia để đèn ớn đùm bọc, là hoa gì ? Cả nhà anh nọ không biết là hoa gì cả, song chắc là

một thứ hoa quý, ít có, nhứt là mùi nó thơm tho nhẹ nhàng, ai cũng ưa ngửi.

Một bữa kia, nhơn có người Chàm đến chơi anh nọ bèn lấy chùm hoa đem ra mà khoe và hỏi thăm cho biết. Người Chàm nói hoa ấy có dây như dây “chùm gởi” thường ở trên ngọn cây cao lớn, ít ai gặp và bẻ đặng. Người Chàm lại có tục kính trọng hoa ấy, hễ thấy cây nào có thứ hoa ấy, thì lập trang lập miếu tại gốc cây mà thờ, dường như nó là một vị thần linh ở chốn sơn lâm vậy.

*

Tôi thuật chuyện này mà ngùi ngùi trong lòng, rồi có cái cảm tưởng như vậy: Loài vượn tuy là giống ở rừng rú, uống dơ ăn sống, song nó cũng có trí

khôn, cũng có gia đình, chồng vợ, cũng có nghĩa có tình, lại cũng biết mang ơn người thương yêu tế độ, thì nó có khác loài người là khác về sự ăn mặc và học hành chữ nghĩa, chớ có chi đâu? Nhưng trong loài người sao tôi lại thấy có một ít kẻ đối với vợ vô tình, đối với con bạc nghĩa, đối với người ơn của mình lại không nhớ, vậy thì đem hạng người ấy so sánh với loài vượn, ai nên làm vượn, mà ai nên làm người ?

V. A.

ĐOẢN THIÊN TIỂU THUYẾT CÁI THÙ CỦA TỰ DO

ô Trần Lệ Thanh, năm 14, 15 tuổi, làm học sinh ở một trường trung học kia, từng nghe thầy giáo giảng về hai chữ “tự do”.

– “Tự do là gì ?” Thầy giáo cắt nghĩa, nó là theo ý mình mà làm đều phải. Bao nhiêu sách vở giải thích hai chữ tự do, có thể cho là thừa hết, nó chỉ gồm trong một câu trên đó mà thôi.

– Vậy, các em hãy nhớ, theo ý mình

mà làm việc quấy, ấy là không phải tự do rồi. Còn kẻ cấm- đoán hay là ngăn - trở người khác làm đều phải theo ý họ, ấy là kẻ chuyên chế.

Thân phận con gái có một việc rất lớn trong cả đời mình là việc lấy chồng. Trong việc ấy người con gái phải theo ý mình mà chọn lựa, song trong khi đó lại phải tỏ ra là mình làm đều phải. Như thế, người đời quen gọi là “hôn nhưn tự do”.

Cô Trần Lệ Thanh từ được nghe mấy lời giảng dạy ấy, như cái ánh sáng dội vào trí khôn, cô chẳng còn hiểu lầm nghĩa tự do; và cô đã ghi tạc mấy lời của thầy giáo vào lòng. Hằng ngày cô tâm tâm niệm niệm : Tự do là theo ý mình mà làm đều phải; tự do không phải theo ý mình mà làm đều quấy.

Cô Lệ Thanh là con gái đầu lòng của

vợ chồng ông Trần Bình Chương, một tay nho học kiêm tây học, có tiếng ở cả vùng Phan Thiết, người ta cho vào hàng thượng lưu, kể cũng là tân nhân vật.



Ông bà Trần Bình Chương kêu cô Lệ Thanh ra nói chuyện hôn nhân.

Ông Trần rất hoan nghinh cái tư tưởng mới, nhưng đối với cách ăn ở của

bọn thanh niên hiện thời thì ông thường thường tỏ ý không bằng lòng. Ông cho rằng những cái, khuynh hướng và hành vi của bọn họ là vượt ra ngoài phạm vi luân lý, không có thể dung.

Ông chủ trương rằng tư tưởng mới là hay, đáng theo lắm, song luân lý của ta là quốc túy, quốc hồn, không nên bỏ đi, bỏ đi là làm rối loạn cả xã hội và gia đình.

Cái chủ ý ấy ông không thi hành ở đâu được chớ trong gia đình ông. ông có quyền thi hành được, và quyết ý thi hành. Bởi vậy ông có bốn năm người con vừa trai vừa gái đã trọng, mà người nào cũng học hành đúng đắn, vào khuôn vào phép cả. Nhứt là cô Lệ Thanh, con gái đầu lòng của ông, ông chăm chút lắm, vì ông nghĩ rằng hễ đứa đầu mà dạy bảo cho nó nên người được thì tự nhiên mấy

đứa sau noi gương theo đó mà dễ dạy.

Năm nọ, cô Lê Thanh tốt nghiệp trung học, vừa đúng 18 tuổi. Ở nơi nữ học còn kém mà lại có được một vị thanh niên nữ học sanh thì đậu đến trung đẳng, thiên hạ trầm trồ khen ngợi biết bao. Nhưng theo con mắt người ngoài thì như vậy ; chớ ông Trần Bình Chương là người cao thượng, ông coi cũng như không, chẳng hề lấy sự con gái mình đo đạt làm đắc ý. Trái lại, ông lại cho cô ấy đậu đến trung học là dư sự, vì theo ý ông, con gái chỉ nên học cho biết chữ sơ sĩa là đủ rồi. Mà thật thế, trước kia, khi cô Lê Thanh – đậu tiểu học rồi, ông đã có ý rút về ở nhà, mà vì cô khóc lóc, nhờ mẹ nói giùm, nên ông cũng chiều lòng vợ con mà cho theo học luôn.

Ngày nay cô đỗ trung học rồi, tính làm gì ? Tính theo con đường nào ? Việc

ấy hẳn chỉ có ông ta và cô Lệ Thanh mới lưu tâm đến mà thôi, còn bà Trần Bình Chương thì làm sao cũng được hết, vì bà ta là hạng đàn bà cũ, lúc thúc trong ba ông táo, không thạo việc học hành đời nay là mấy.

“Tự do là theo ý mình mà làm đều phải”, cô Lệ Thanh khi đỗ trung học rồi cũng còn hằng ngày lập luận câu ấy không quên.

Theo ý cô thì cô muốn đi học thêm. Nhưng, đi học thêm, có phải là làm đều phải không? Cô vẫn còn suy nghĩ.

Cô nhớ lại ở trường cao đẳng Hanội, gần nay Nhà nước đã có lệnh kén học trò con gái vào. Vậy thì mình đi học nữa, mình xin thi vào cao đẳng, có gì là quấy?

Còn lo một nỗi ở nhà có đủ sức

nuôi cho mình đi học ít năm nữa không. Song cái đó là nhà ai kia, chớ cô đã sanh ra nhằm nhà vợ chồng ông Trần Bình Chương, mà còn lo gì ? Nhà ông giàu có, muốn nuôi mấy đứa con đi học Hanội mà chẳng được ?

Suy nghĩ tới nơi rồi, cô Lê Thanh mạnh bạo mà nhận cho cái ý muốn của mình là không quấy : duy cô vì có nào chẳng biết, cô chẳng hề dám đem cái ý ấy mà tỏ với cha. Với bà, thì cô có nói một đôi lần rồi ; bà hứa với cô rằng để nói giùm cho, song được hay không thì chưa chắc. Thuở nay ai lại chẳng biết cái gia pháp nhà ông Trần Bình Chương là nghiêm lắm!

Một hôm, sau khi hai ông bà bàn luận gì với nhau chẳng biết, nghe có tiếng kêu đầm thắm mà nghiêm nghị như vậy :

– Lệ Thanh ! Ra bảo đây !

– Dạ.

Cô Lệ Thanh từ trong phòng riêng chạy đến chỗ hai ông bà ngồi, vòng tay đứng đó.

– Lệ Thanh, ông cất tiếng nói, con năm nay thi đỗ, ấy là xong việc học rồi ; con lại đã lên 18 tuổi, theo lẽ, lấy chồng đã được đó, vậy thầy mẹ đương lo tính đôi bạn cho con đây.

Một tin lạ lọt vào tai có Lệ Thanh ! Cô có hề nghĩ đến chuyện chồng con đâu. Cô còn tính việc đi học nữa, lấy chồng thì làm thế nào mà đi học ? Vả lại, theo lời thầy giáo nói, việc lấy chồng là việc hệ trọng của đời mình, há nên làm việc ấy trong khi ý mình chưa nghĩ tới ? Cô bèn đánh bạo mà vừa nói vừa run như vậy :

– Thừa thầy mẹ, con muốn đi học nữa, xin thầy mẹ khoan cho con lấy chồng.

Mấy tiếng ấy vừa thoát khỏi cái miệng ngập ngừng của cô thiếu nữ thì cặp mắt của nhà đạo đức mà là nghiêm phụ kia đã trợn dọc lên, quở mắng trách phạt lăm lờ, ông rầy cô con gái ông sao có khuynh hướng cái tư tưởng quá khích của bọn thanh niên mà không chịu ăn lời cha mẹ :

– Mà muốn tự do rồi đó hã? Gớm ! Cái đời, không nghe lời cha mẹ mà dám nói là tự do !

Cô Lệ Thanh trót dại đã thốt ra một câu mà bị mắng rồi, cô biết thân, không dám lấy lý sự mà bình vực cho mình nữa. Thụt lùi một bước thêm một bước, rồi cô

đi thẳng về chỗ mình hầu để tránh cơn thịnh nộ.

Cô Lê Thanh đầu bị quả măng phủ phàng, cái lý trí của cô cũng vẫn còn sáng suốt, cô vẫn lặp đi lặp lại thăm trong bụng : “Tự do là theo ý mình mà làm điều phải”.

Lấy chồng hay không lấy chồng, ấy là tùy ý cô, theo lời thầy giáo trước kia đã dạy, thì cô được tự do trong sự ấy. Nhưng bây giờ cô chưa muốn lấy chồng, có phải là làm điều phải hay không ? Cô chỉ cần suy nghĩ có bấy nhiêu thôi.

Cô Lê Thanh nghĩ, duy có không chịu lấy chồng mà lại theo thói trong dâu trên bọc như ai thì mới là quấy ; chớ còn không chịu lấy chồng mà để đi học nữa thì găm lại chẳng có quấy chút nào, Vả lại, con gái lớn rồi mà cứ giả kén

chện hom, để cái lo cho cha mẹ thì mới là quấy; chớ cô mới 18 tuổi, chưa phải muộn màng ế ẩm gì, thì chậm lấy chồng ít năm để dễ học thêm, lại là đều phải, cô nên làm. Nghĩ vậy rồi cô toan làm dạn đem tâm sự ấy bộc bạch cùng cha, song mỗi khi thấy mặt ông, cô sợ thất thần, toan nói rồi lại làm thình, như vậy chẳng biết mấy lần.

Gần miền đó có ông Nguyễn Chí Đạo, làm Cai tổng, nhà giàu lắm, mà là bạn thiết với ông Trần Bình Chương từ thuở nhỏ. Ông Cai tổng có đứa con trai đầu lòng là Nguyễn Thiệu Thuật, năm ấy 21 tuổi, có đi học chữ nho, quốc ngữ, cũng đã được mười năm, lúc đó thì đã thôi học, về coi việc nhà cho cha. Chàng thiếu niên này nội trong năm đó nghiêm nhiên làm chồng cô Lê Thanh, vậy mà cô không ngờ !

Té ra hai người đã hẹn làm sui với nhau từ bao giờ. Vợ chồng ông Trần Bình Chương đã đi lại nhà họ Nguyễn, nửa vì tình bạn hữu, nửa vì tình sui gia, lại đã nhận lễ mồng năm ngày tết mấy phen, song giấu kín với cô Lê Thanh, sợ có lằng xao việc học. Và đến ngày nay, hai bên đã coi được năm được tháng rồi, định cho hai trẻ vầy duyên kháng lệ, không còn gì nữa.

Một hôm khác, lúc ăn cơm tối rồi, ông Trần Bình Chương cùng ngồi với bà, kêu cô Lê Thanh ra, ông lại nói chuyện cho cô nghe, như vậy :

– Này con, hôm nay thầy muốn nói chuyện với con, nhưng trước hết con hãy bỏ cái ý muốn đi học nữa đi, rồi thầy mới nói.

– Dạ !

– Ủ được ! Thầy nói cho con nghe : Ông Cai tổng Nguyễn Chí Đạo muốn hỏi thăm con cho con ổng là Nguyễn Thiệu Thuật – thằng này chắc con có nghe, nó lành trai lắm – thầy mẹ đã đành gả rồi, chẳng biết bụng con làm sao ?

– Thừa thầy mẹ, con chưa nghĩ đến...

Cô Lệ Thanh nói mới nửa chừng rồi không nói được nữa.

Bà Trần Bình Chương vừa cười vừa nói pha trò:

– Trong ý con Thanh hẳn định làm như cô gi đó bên Tàu mà họ nói trong báo bữa trước, hơn ba mươi tuổi còn chưa chịu lấy chồng để đi học bên Tây!

– Má nó đừng nói giỡn. Lúc nãy hẳn đã chịu với tôi rằng bỏ cái ý đi học nữa rồi mà.

Ông nói như vậy rồi xây qua nói cùng cô Lê Thanh :

– Mà làm sao ? Con có bằng lòng thẳng ấy không?

– Thưa thầy, con chưa thấy người ấy.

– À ! Tưởng gì chớ muốn thấy đâu có khó, ông vira cười chúm chím vừa nói, có đều thầy muốn hỏi con có bằng lòng không, thì nói cho thầy nghe,

Nghe câu ấy, trong trí cô Lê Thanh nẩy liền ra sự phán đoán mà biết là câu nói ngang. Theo cô thì thấy đã rồi mới biết bằng lòng cũng không. Cái này ông bảo trước khi thấy mà phải nói cho ông nghe là bằng lòng hay không bằng lòng, thế thì khác nào ông ép cô bảo phải bằng lòng đi, chớ không cần thấy ?

Tuy cô Lệ Thanh nghĩ trong trí phân minh như vậy mà nói ra thì không được. Nói không được, chẳng phải tại cô cà lăm hay ngọng nghịu gì đâu; nhưng, bất kỳ khi nào, việc gì, trước mặt cha mình, cô không có can đảm mở ra lời. Lần này cũng như mấy lần trước, sau câu hỏi của ông đó, cô Lệ Thanh đánh chữ mần thình.

– Sao con làm thình? Ông cười. to lên rồi nói tiếp, làm thình ấy tức là bằng lòng!

Đoạn ông đứng dậy mà đi chỗ khác, đi làm việc của ông trong phòng giấy.

Đêm ấy có Lệ Thanh khóc rung rức. Nhưng cha cô có biết đâu cái tâm sự uất ức của cô, tiếng khóc có đâu có tới tai ông ấy, ông cứ một mực nói con gái mình bằng lòng rồi. Duy có mẹ có biết ý, song

bà dở lắm, bà biết thương con là thấy mà tội nghiệp vậy thôi, chớ chẳng có một lời gì đỡ gạt cho con. Trọn đêm ấy bà thức mà yên ủi cô, rốt lại cũng chỉ khuyên cô theo lời cha cho xong việc là cùng.

Cái nghĩa tự do thế nào? Lần này ở trong đầu có Lê Thanh cảnh sáng suốt hơn, nó cũng vẫn là “theo ý mình mà làm đều phải”. Cô dám nghĩ đến rằng nếu có chống cự lại cha cô, thì cũng vẫn là làm đều phải mà thôi.

Sau khi đã thấy con người, rõ là mười cái mười được, xứng lứa vừa đôi, mà còn làm bụng làm nịu, không ưng, để cực lòng cha mẹ, như vậy hẳn là làm đều quấy. Chớ như cô đây, chưa biết Thiệu Thuật là người thế nào, vậy mà cha có ép cô bằng lòng đi, nếu có chống cự lại, có quấy gì đâu? Song, ác nghiệt thay! Có chút tâm sự trong lòng cô, còn không

dám thân thi với cha thay, hưởng chi là lấy lẽ phải mà chống cự ?

Từ đó người ta công nhiên với nhau mà định ngày cưới cô. Một hôm, thấy Thiệu Thuật qua nhà họ Trần. Người ta có ý cho có Lệ Thanh thấy mặt người chồng “chí nguyện” của mình đó. Nhưng khi ấy thì cô đã liều rồi, có thấy nó cũng là chồng mình, không thấy nó cũng là chồng mình, vậy thì có coi làm gì cho vô ích !

Một người nữ sĩ có ăn học hần hoi, mà coi cũng như một đứa gái quê vô giáo dục đầu hồi thế kỷ trước, bắt ở yên dưới cái chế độ đặt đầu gối đó, không nghe thi gia cho tiếng học thói tự do, bất hiếu, không ăn lời cha mẹ, thế có tức chết đi được không? Tự nhiên có Lệ Thanh vô tâm mà làm ra sự kháng cự của kẻ yếu một lần cuối cùng.

Trước ngày cưới, có nằm luôn, không ăn. Cái nét mặt đầy đặn tươi tắn trước kia nay đã hóa ra học hạc, ủ ê, đầu bù tóc rối. Bà Trần Bình Chương lấy làm lo, nhưng ông thì ông tỉnh táo lắm, cho biết đáng trọng phu chẳng hề non gan như nhi nữ!

Khi đó đã khuya mà người nhà còn thức lo dọn đám, trong phòng cô Lê Thanh có tiếng đàn ông chàng chàng, ai nấy đều nghe, như vậy :

– Có hai lẽ : một là mày dậy mà lo việc thân phận của mày ; một là mày cầm dao cắt họng vợ chồng tao đi, rồi mày đi đường mày tự do. Thế nào, con kia?

Cô Lê Thanh bấy giờ đương thim thíp, bỗng nghe tiếng xảng xớm ấy, dựng ngược mà đứng dậy, chẳng biết trả lời làm sao, cô chỉ có khóc mà thôi.

Quái ! Việc gì mà ông lại thách con gái ông cầm dao cắt họng vợ chồng ông? Kẽ làm cha mẹ cứ quen dùng câu ấy mà dọa con : những là “đây mày giết tao đi!”, những là “nó muốn cho tôi chết rấp!” ròng là đem cái tội bất hiếu đại nghịch gia cho con để có vùi giập cái lẽ phải của chúng nó. Cái sở trường của ông Trần Bình Chương cũng chỉ có bấy nhiêu, mà ông cũng như cha mẹ khác, hễ đem dùng cái sở trường này ra là kiến hiệu.

Cô Lê Thanh chịu thua. Hai ngày sau đó thì họ cứ việc đi cưới, cô cứ việc làm dâu nhà họ Nguyễn.

Nhà họ Nguyễn giàu, cô về đó, muốn chi có nấy, ông gia bà gia cho đến chồng cũng đều quý trọng cô như vàng. Chàng Thiệu Thuật trẻ người mà biết lo làm ăn, không chơi bời chi; cô Lê Thanh giúp chồng những sổ sách giấy mực, thanh

thời nhàn hạ, mà lại sung sướng phủ phê, chứ không như mấy cô đồng học với cô hồi đó bây giờ làm cô giáo, phải đi dạy mỗi ngày hai buổi...

Cho đến năm nay, cô Lê Thanh có được hai đứa con rồi, kể từ ngày cưới đến nay là bốn năm tròn. Cả vùng Phan Thiết ai cũng khen cô Lê Thành có phúc, lấy chồng như vậy còn sướng bằng mấy chồng quan ! Họ cũng khen cả đến cặp sui gia là ông Cai tổng Đạo với ông Trần Bình Chương nữa ; nhứt là ông Trần, biết nạt còn mình đi để khỏi phụ lời giao ước với bạn năm xưa, ăn ở như vậy là có đạo nghĩa, ít ai bằng !

Mới rồi ông Trần Bình Chương vào Saigon, có người bạn thân hỏi thăm chuyện con ông, ông kể cho nghe đầu đuôi việc cô Lê Thanh, rồi kết luận rằng :

– Ba mươi đời, thứ con gái, lúc đầu nó làm núng làm níu vậy đó, chờ mình cứ ép miết nó đi rồi nó cũng êm. Thì con Lệ Thanh nhà tôi đó, năm nay có hai mặt con rồi !



Cô Lệ Thanh ngồi nhìn hai đứa con
nó là cái kết quả của nhục dục,
chớ không phải của ái tình !

Song le, theo lời cô Lệ Thanh nói với

chị em cô, thì từ ấy nhần nay cô vẫn ôm luôn sự khổ thống trong lòng mà chẳng biết tỏ với ai. Cô cũng là người như ai, có muốn học để cầu thêm tri thức nữa, sao không cho cô học? Người chồng của cô hiền lành thật, nhưng ngu đần một mực quá, chẳng đủ mà hiểu cô, hai đứa con đó chỉ là cái kết quả của nhục dục mà thôi, chớ chẳng phải của ái tình. Ấy là cái khổ thống đó, thiên hạ ở ngoài không biết cho cô đã đành; mà cha cô là ông Trần Bình Chương cũng như đui như điếc, trở cho sự ép uổng của mình là khôn, là lành, là được việc !

Tự do là làm đều phải theo ý mình, Vậy mà người ta cấm làm đều phải, rồi trở cho cái tự do là cái bậy. Coi đó thì biết ai là thù của tự do !

HẠN HẬU SANH

MỸ NHƠN VỚI VĂN SĨ

Viên Hoành

 óng trăng lồng cửa sổ, hơi gió thổi đầu nhanh, trong một căn phòng vuông ở nhà kía, ngoài những tiếng tíc tắc... tíctắc... của cái đồng hồ nhỏ để trên bàn bán nguyệt, thì đầu đó vẫn lặng lẽ như tờ.

Dưới bóng đèn điện, ngoài có bao một cái chup lựa bông hường, một cô thiếu phụ má phấn môi son, nằm ngửa trên ghế xích đu, ôm một quyển tiểu thuyết sát vào ngực, đưa cặp mắt mơ màng ra ngoài cửa sổ.



Bám chặt trần nhà (plafond), con
thần lẩn ngoắc đuôi rồi chắt lưỡi !

Rút cặp nhãn quang đem về chỗ cũ,
cô Bích Vân – cái người thiếu phụ nằm
trên ghế xích đu lẩm bầm nói :

– Ít ra cũng phải có một người dẫn
ông hiền nghĩa ái tình như vậy chớ !

Cô vuốt ve quyển sách: giấy láng,
khổ nhỏ, bìa đẹp, cầm đứng nó lên mà
nhìn cái nhan, nhìn lần thứ mấy mươi,
rồi đọc :

SỢI TƠ LÒNG (Ái tình tiểu thuyết)

Tác giả : Lý Thiên Sanh

Lý Thiên Sanh ! Một tay văn sĩ vô danh ngày nay, nhưng cuốn sách của cậu ta, ngày mai, công chúng sẽ biết hết. Chắc cậu ta là một anh chàng trẻ tuổi – phải trẻ tuổi mới có cái ái tình nồng nàn, trong sạch, mà giảng giải hai chữ ái tình đúng nghĩa của nó ! – Một anh chàng trẻ tuổi đang mạnh chơn sẵn bước lên đàn ngôn luận, là chỗ nó làm vinh diệu cho người cầm bút.

Cô Bích Vân khép bớt mi con mắt, để nằm tưởng tượng hình dạng nhà văn sĩ trẻ tuổi : Chắc mặt tròn, con mắt đen, mũi cao, miệng rộng.... rồi tay cô lật nhè nhẹ từ từ quyển sách. Lật đến trang 43, cô dừng tay, vì cái trang ấy tác giả luận về ái tình, vì cái trang ấy là trang cô quý nhất. Có đọc nho nhỏ :

– Phải, em Cúc Hoa, ái tình là một cái bồn bằng ngọc mà đôi ta phải đổ mồ hôi, đổ giọt máu, đổ dòng nước mắt vào đó cho đầy. Em nên biết, trong cái bồn ngọc thiêng liêng (vase sacré) ấy, anh đã để cả lòng lẫn óc anh vào trong đó, bởi vì chỉ có ái tình là chứa các tư tưởng, các sự hành động, các nghị lực, các sự yếu hơn của ta mà thôi...

Cô Bích Vân đọc đi đọc lại câu trên đây, mà nghe hình như trong miệng cô có mùi gì thơm thơ ngon ngọt...

Cô nghiêng đầu qua một bên, lim dim đôi mắt, trí lại suy nghĩ :

– Chồng ta đời nào mà nói ra được những lời vàng ngọc như vậy !

Cô than thở, cô trề môi, bộ không bằng lòng... Chồng cô, ông Bao-Cát

Bình, người mập lù mà tử tế, giàu tiền chứ không giàu chữ nghĩa. Bởi vậy, cô Bích Vân có chỗ thương chồng, mà cũng có chỗ.... không thương chồng! Cô năm nay mới ngoài hai mươi tuổi, cái tuổi đang xuân, cái tình đang nồng, qui chứa vào con người xinh như hoa, đẹp như ngọc, mà người ấy lại là “hiền thê” của một anh trọc phủ, tuổi bốn mươi ngoài ! Cái thân cô Bích Vân là cái thân dật dờ, cái tình cô Bích Vân là cái tình nửa thiệt nửa giả, cái đời cô Bích Vân là cái đời ân hận...

Bởi các cơ ấy, mà cô Bích Vân ngẩn ngơ ngơ ngẩn, rồi cô mơ màng hai chữ “ái tình” ở trên những trương sách !

Lý Thiên Sanh chắc còn trẻ tuổi. Nó đẹp trai, nó gọn gàng, nó quảng đại, nó sốt sắng với bạn đa tình, nhưng chắc nó nghèo !... Thây kệ ! Tay văn sĩ mắc lo làm

giàu về văn chương, về danh dự, ai có rảnh tay như ai mà lo làm giàu... tiền !

Thầy kệ ! Cò Bích Vân sẽ bay đến bên chàng rồi nói :

– Em là một người khó hiểu, nay chàng đã vạch buồng gan lá phổi của em ra cho em ngó thấy một cách minh bạch. Em xin đem khối tình chưa chút nhờ bọn mà dựng cho chàng, tự chàng dùng lấy, tự chàng tô điểm và sai khiến nó !

Nhưng... làm sao biết được địa chỉ (adresse) của nhà văn sĩ ? Cô Bích Vân nhớ lại, nhà in in ra quyển sách “Sợi tơ lòng” ắt phải biết. Cô lật đật lấy một miếng giấy, giống như màu giấy bìa cuốn sách, viết tháu mấy chữ : “Chàng đã thâu cả linh hồn em rồi. Thế nào em cũng phải cùng chàng sum hiệp.”



Đó rồi tờ giấy có mùi bông lài nó chui vào phong bì, để tên nhà in sách, một bên góc có biên mấy chữ : “Xin đưa lại giùm cho tác giả “Sợi tơ long”.

Tám ngày chạy qua, là tám ngày cô Bích Vân trông đợi, rầu buồn, ngẩn ngơ, như người lộn hồn, mất trí. Lắm lúc cô nhìn chồng cô mà sững sờ, mà chua xót.

Ngày thứ chín, cô tiếp được một

phong thơ – cái bao là thứ giấy vàng thường – lật đặt xé ra xem, thấy có một hàng chữ viết thiệt cứng : “Mai cô hãy lại chơi, vào khoảng từ 6 tới 8.”

Bữa sau, gần đúng giờ hẹn, có Bích Vân mặc một bộ đồ thật sang, trang điểm một cách đặc biệt, bước ra cửa sau, đứng ngó cái xe hơi mui kiến đang nằm trong ga-ra một chút, trở vào, lấy khăn choàng lên đầu, lại trước tủ kiếng đứng ngắm nhía, rồi đi thẳng ra đường, lên xe kéo...

Cô đi lần vào một con đường hẻm, ánh sáng lơ mờ, thấy hai bên có hai dãy phố đưa mặt đen sì. Cô Bích Vân mỉm cười, nói : “Khéo lựa chỗ mà ở quá !”

Cô đi quanh, đi queo, qua mỗi căn phố có đều liếc xem số nhà, trong lòng cô hồi hộp như cô gái sắp sửa về nhà chồng, pha lẫn nỗi mừng, nỗi sợ.

Đến trước một căn phố cửa đóng, cô dừng chơn lại một chút, rồi nhè nhẹ bước lại cửa sổ. Cô sẽ lén kéo nhẹ cánh cửa, dòm vào trong, thấy có một cái bàn viết, một cái tủ sách, mấy cái ghế mây xịch xạc, với một bộ ván gỗ, trên bộ ván ấy có một người còn trai, tóc cúp chải, mặc bộ đồ vải trắng, nằm dựa một cái mâm... á phen. Người ấy đang lọ mọ tìm thuốc !...

Cô Bích Vân thở ra, tự hỏi lấy mình : “Phải chăng Lý Thiên Sanh đó chăng ? Thiên hạ đồn các ông văn sĩ là hạng chán đời, hay làm bạn với mâm đèn có khi mà phải. Đi chơi tốn tiền, và cũng ít muốn đi chơi, thì ở nhà hút năm ba điếu cho nó sáng cái tinh thần, để mà coi sách, cũng chẳng hề gì. Có đều cái người nằm đó, coi sao nó hèn quá... À ! hay là thằng làm thuốc của ông ta chăng? Nếu nó là thằng

làm thuốc, thì ta nên phục cái nghèo mà không bỏ tánh phong lưu của nhà văn sĩ, song còn ông ta, ông lại đi đâu ? »

Không đến thì thôi, đã đến thì vào. Cô Bích Vân bước lại gõ cửa. Người nằm trên ván lật đặt ngối dậy, buông cây tim, vuốt mí tóc, xỏ chơn vào đôi guốc, đi lại bàn giữa, bùng cây đèn, bước ra mở cửa. Cô Bích Vân cúi sơ cái đầu, nghiêm nét mặt mà hỏi :

– Phải nhà Lý tiên sanh ở đây chẳng?

– Thưa phải. Xin mời quý nương vào.

Khép cửa lại, người kia đem cây đèn để ở bàn giữa. Cô Bích Vân liếc mắt cùng khắp, ngó người đàn ông nọ, rồi cô hỏi nhỏ nhỏ :

– Tiên sanh đi đâu vắng ?

Người đàn ông rùng vai, đáp :

– Chính tôi đây ! Tôi là Lý Thiên Sanh, tác giả quyển “Sợ tư lòng” đây. Thưa quý nương, thật trong đời này tôi tưởng có một mình quý nương có cái ái tình cao thượng, có cặp con mắt tinh đời, nên mới hiểu thấu nỗi lòng tôi như thế. Tôi là một tay văn sĩ nghèo, không ai biết tới, song tôi rất giàu lòng yêu thương, đã được quý nương thưởng lãm văn chương, lại còn hạ cố tìm tôi tới tề xá viếng thăm, thật tôi lấy làm hân hạnh vô cùng. Đời thiệt làn bạc với thợ làm văn lắm ! Nào có ai đoái tưởng gì đến tôi đâu; nhưng cũng nhờ sự thiên hạ lãnh đạm với tôi đó, mà tôi giấu kín được khối tình trong như ngọc, trắng như tuyết ở trong lòng, để khi viết sách, đem nó ra mà đổ vào hàng chữ, trương giấy, làm cho quý

nường xao xiển, cảm động, rồi ái mộ tôi đó !

Cặp con mắt cô Bích Vân mở rộng, chói lòa. Cô nghe trong mình có hơi khiếp sợ, nếu không khéo giữ, ắt phải run rẩy. Nhà văn sĩ lại nói tiếp :

– Không có một tờ báo, một tờ tạp chí nào bình phẩm: hay giới thiệu cuốn sách tôi, là cuốn sách mà tôi xuất tiền túi tôi để xuất bản. Thưa quý nường, thiệt vậy; tôi vét hết số tiền tiết kiệm của tôi trong mấy năm nay, mà trả cho chủ nhà in, không thiếu được một cắc bạc, bởi vì anh ta đâu có biết in cuốn sách tôi làm tăng giá trị nhà in anh, bán sách tôi là làm giàu lớn cho anh ! Tuy phải trải qua cái cảnh ngộ cay chua như thế, song tôi cũng không phiền, không phiền vì hôm nay đã có quý nường biết đánh giá cuốn sách của tôi, và đến viếng tôi

đó. Ôi! Còn có cái phần thưởng nào mà quý báu cho nhà văn sĩ này hơn nữa ! Nào óc lấy chuyện, chấp chữ thành văn, bây giờ tôi mới biết, thưa quý nương, tôi mới biết phải không có người xét đến công lao của con nhà cầm bút ! Thưa quý nương, tôi đã khêu gợi khối tình của quý nương, quý nương đã hiểu thấu lòng dạ tim gan của tôi, tôi chắc hai linh hồn chúng ta, từ đây nó sẽ hiệp làm một !

Nhà văn sĩ nhắc ghế lại gần, cô Bích Vân cũng nhắc ghế thối lui, mà ứa nước mắt. Cô dòm kỹ thấy người đàn ông độ lối 30 tuổi, mặt xương, mà cóp, môi thâm, vóc ốm, mặc bộ đồ vải trắng đã tới cỡ giặt đầu ba bốn bữa trước !

Nhà văn sĩ nói, nói... cô Bích Vân thối lui lần ra cửa, mặt buồn, ngực nhầy, cô do theo con đường hẻm mập mờ mà thoát ra ngoài....

Đêm ấy, ngồi lại ăn cơm, Bao Cát Bình nhìn mặt vợ lấy làm ngạc nhiên quá. Gương mặt cô sâu, cặp mắt cô đỏ, ông hỏi:

– Bộ mình “khó ở” chẳng?

– Không, tôi đi chơi, bị thằng điên nó muốn...

Ông Bao biến sắc, dường có ý lo sợ, cô Bích Vân đã nói :

– Nhưng không hề gì, tôi biết giữ mình tôi lắm.

Cô liếc mắt qua bàn viết, thấy quyển Sợ tơ lòng. Trong óc cô nảy ra một sự so sánh : Chồng cô giàu mà tục, đã làm cho cô thất vọng, còn nhà văn sĩ, người ý trung nhân của cô, nhưng người ấy ghien, xấu, nghèo, mà lại điên... chứ!

Cô rất bất bình, cô nói :

– Bọn đàn ông ác lắm ! Các ông làm cho ái tình hóa ra một vật xấu xa, không thể nào yêu được !

Đó rồi cô Bích Vân khóc tẩm tức tẩm tủi, nhưng chồng cô rùng vai, ngoảnh chỉ hai giọt nước mắt của cô nó chảy dài trên mặt ngọc, chớ cũng không tìm hiểu coi tại làm sao mà ra duyên có !

**Câu chuyện thú của
ông Khương Hữu Vi
cùng một cô dâu mới**

Ông Khương Hữu Vi, thầy của ông Lương Khải Siêu, là một danh nhân nước Tàu vào đời Quang Tự. Bấy giờ trong nước Tàu chia ra làm hai phe : phe cách mạng thì Tôn Văn làm đầu, phe duy tân thì Khương làm đầu.

Ông Khương, người có oai nghiêm, ít ai gần ông được ; còn nói chi đàn bà con gái thì ông chẳng hề giao thiệp với, dầu là hạng nữ lưu sang trọng. Tuy vậy mà có một lần ông đùa bỡn với một cô dâu mới bằng một cách nhã mà có thú

lắm, có kẻ đã đem chếp làm dật sự của ông.

Lúc ông bị nạn ở Tàu, chạy qua Nhứt Bồn, ở Hoàn Tân. Bảy giờ tại đó có một người Quảng Đông giàu vào bậc triệu phú, cưới vợ cho con, nghe ông vừa đến, bèn mời ông đến ngồi họ. Vì có người đồng hương mà ở ngoại quốc, ông Khương nhận lời đến dự tiệc,

Đám cưới, theo tục Quảng Đông, đêm thứ nhứt sau khi rước dâu về, có lệ “náo phòng”. Náo phòng là những khách vừa nam vừa nữ, trong đêm ấy, kiếm chuyện mà khuấy phá chàng rể và cô dâu, nói chuyện trêu giỡn hay là bắt làm thơ, uống rượu gì đó, làm cho đôi vợ chồng mới phải rộn ràng khó chịu.

Theo phép lịch sự, họ mời ông Khương mở cuộc náo phòng trước, vì

ông là thượng khách. Ông bèn bảo lấy tờ giấy đỏ và bút mực rồi ông viết tám chữ như vậy :

司月二大日牛住了。

Viết rồi, ông bảo cầm đưa cho cô dâu trong phòng, bắt tự ý mình, cứ mỗi chữ ấy cho thêm một nét hẩu thành ra tám chữ khác có nghĩa. Bằng như cô dâu làm không được sẽ bị phạt rượu.

Cô dâu mới đó là một tay nữ học sanh mới ở trường ra, nên ông Khương mới dám đùa như vậy. Nếu không thì ông cũng chẳng thử thách đến cách này, rồi mà mò không ra, có tội nghiệp cho cô chẳng ?

Cô dâu cũng thông minh, nhận được mảnh giấy, cô nghĩ qua rồi thêm mỗi chữ một nét viết ra tám chữ khác có

nghĩa, mà khi viết, có đỏ mặt tía tai, đưa mảnh giấy ra, cúi mặt không dám ngó ai hết. Người ta xem thấy tám chữ của cô như vậy :

同用工夫早生佳子

Ai nấy đều vỗ tay cười vang cả nhà. Một đường họ phục cách chơi của ông Khương là tài tình mà nhã thú : một đường họ khen cô dâu thông minh mà bật thiệp.

Theo bốn chữ của ông Khương viết, đọc là tứ nguyệt như đại đản ngưu trú liễu, không có nghĩa gì hết. Nhưng mỗi chữ thêm một nét, theo lệnh ông và như cô dâu đã làm, thì thành tám chữ, đọc là đồng dụng công phu, tảo sanh giai tử. Nghĩa là “đồng dụng công phu, sớm sanh con tốt”. Ấy là lời chúc cho cặp vợ chồng mới, mà để tức cười tại bốn chữ đồng

dụng công phu.

Sự chơi đùa ở bên Tàu đại khái nhiều cái hay mà ngộ nghĩnh như vậy đó. Thấp đuốc mà tìm thử giữa người Việt Nam chúng ta có cách chơi gì nhã như vậy không? Không có thì từ đây ta phải phát minh ra.

